Tuần 21 Ngày soạn: 6 /1/

Tiết 31,32 Ngày dạy : 8/ 1/

ÔN TẬP VB NHỚ RỪNG

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức: : Giuùp HS củng cố, mở rộng và nâng cao kt về vb: Nhớ rừng.

2. Kĩ năng: Rèn kỹ năng tìm hiểu, phân tích, cảm thụ vb.

II. Chuẩn bị:

1. Giao án, TLTK...

2. Phương pháp, vấn đáp, giảng bình......

III. Tiến trình tổ chức:

1. ổn định lớp.

2. KTSS, sự chuẩn bị của HS.

3. Bài mới:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt đọng GV-HS | NỘI DUNG |
| \* HĐ 1: HS nhắc lại nd kiến thức.  Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?  => Thơ 8 chữ(thơ mới)  HS nhắc lại vài nét cơ bản về tg, tp.  HS nhắc lại nd. GV chốt, tg không những là người cắm ngọn cờ chiến thắng cho phong trào thơ mới mà còn là nhà thơ tiêu biểu nhất cho phong trào thơ mới cho chặng đường đầu.  Khái quát về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?  => ND: mượn lời con hổ bị nhốt ở vườn bách thú, diễn ytả sâu sắc nổi chán ghét cảnh sống tù túng và niềm khát khao mãnh liệt… bài thơ đã khơi gợi lòng yêu nước thầm kín của người dân.  NT: Tràn đầy cảm xúc lãng mạn, mạch cảm xúc sôi nỗi, biểu tượng thích hợp, hình ảnh thơ giàu chất tạo hình, ngôn ngữ, nhạc điệu phong phú.  \* HĐ 2: HD HS luyện tập.  BT 1. Một bạn hs đã chép lại 2 câu đầu của bài thơ Nhớ rừng như sau:  “Ngậm một khối căn hờn trong cũi sắt  Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua”  - Chép như vậy sai ở chổ nào? Em hãy chép lại cho đúng nguyên bản.  - So sánh các từ chép sai với từ đúng nguyên bản và phân tích để thấy rõ cái hay trong việc dùng từ của Thế Lữ.  - Có ý kiến cho rằng 2 câu thơ đã thể hiện sự đối lập giữa vẻ bên ngoài với nội tâm con hổ. Theo em, nhận xét đó đúng không? Vì sao?  BT 2. Chép thuộc lòng một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ và phân tích nội dung.  Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt,  …………………………………….. Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi, Với cặp báo chuồng bên vô tư lự.  HS thực hiện yêu cầu bt.  Gv gọi hs đứng lên đọc bài tập.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung.  BT 3. Nhà phê bình văn học Hoài Thanh có nhận xét về thơ Thế Lữ: “ Đọc đôi bài, nhất là bài Nhớ rừng, ta tưởng chừng thấy những chữ bị xô đẩy, bị dằn vặt bởi 1 sức mạnh phi thường. Thế Lữ như 1 viên tướng điều khiển đội quân Việt ngữ bằng những mệnh lệnh k thể cưỡng được”  ? Em hiểu ntn về ý kiến đó? Qua bài thơ Nhớ rừng hãy chứng minh.  BT 4. SGK có nhận xét: Bài Nhớ rừng tràn đầy cả m xúc lãng mạn.  Em hiểu thế nào là lãng mạn? cảm xúc lãng mạn đc thể hiện ntn trong bài thơ?  => Lãng mạn là trạng thái tâm hồn con người.  Đặc điểm nổi bật của tâm hồn lãng mạn là giàu mộng tưởng, khát vọng và giàu cảm xúc.  HS thực hiện yêu cầu bt.  Gv gọi hs lên bảng làm bài tập.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung.  BT5: Đoạn thơ naò được coi là bức tranh tứ bình trong bài thơ? Vì sao?  ? Đoạn thơ có mấy cảnh? Đó là những cảnh nào?    Bốn cảnh: những đêm vàng, những ngày mưa, những bình minh, những chiều lênh láng máu sau rừng, cảnh nào cũng tráng lệ, lần lượt hiện lên trong nỗi nhớ tiếc khôn nguôi của con hổ sa cơ.  - GV cho hs thảo luận theo nhóm, trình bày.  => GV chốt, bình. | I. Kiến thức cơ bản.  1.Tác giả  - Thế Lữ (1907-1989).  - Là người sáng lập phong trào thơ Mới và là nhà hoạt động sân khấu nổi tiếng.  2.Tác phẩm  Nhớ rừng viết năm 1934  Thể loại  - Thể thơ 8 chữ hiện đại, một thể thơ tự do.  3. Nội dung, nghệ thuật.  ND: mượn lời con hổ bị nhốt ở vườn bách thú, diễn tả sâu sắc nổi chán ghét cảnh sống tù túng và niềm khát khao mãnh liệt… bài thơ đã khơi gợi lòng yêu nước thầm kín của người dân.  NT: Tràn đầy cảm xúc lãng mạn, mạch cảm xúc sôi nỗi, biểu tượng thích hợp, hình ảnh thơ giàu chất tạo hình, ngôn ngữ, nhạc điệu phong phú.  II. LUYỆN TẬP  BT 1.   1. Từ ngậm = gậm. 2. Nghĩa của từ ngậm và gậm không giống nhau. Vì vậy, chép sai từ ý nghĩa của câu sẽ thay đổi. Con hổ trong bài thơ không chấp nhận, không an phân ngậm mà nó “ gậm khối căm hờn” - suy ngẫm, tích tụ nỗi uất hận trong lòng, Nghĩa của nỗi và khối cũng khác nhau: nỗi căm hờn thì trừu tượng hơn, còn khối căm hờn thì cụ thể hơn, tưởng như căm hờn đã tích tụ thành hình thành khối, mà thành vật cụ thể thì mới có thể gậm được.    BT 2.  Đoạn thơ thể hiện nỗi khổ tâm ghê gớm của chúa sơn lâm bị giam cầm lâu ngày trong một không gian bé nhỏ, ngột ngạt.   Ở câu thơ đầu, nhịp thơ chậm, ngắt quãng gợi ta liên tưởng đến một mối hờn căm kết tụ thành khối đè nặng trong lòng. Con hổ muốn hất tung tảng đá vô hình ấy nhưng bất lực, đành nằm dài trông ngày tháng dần qua. ở câu hai phản ánh tình cảnh bó buộc và tâm trạng chán ngán tột cùng của chúa sơn lâm.   Từ chỗ là chúa tể của muôn loài được tôn thờ, sùng bái, tha hồ tung hoành chốn núi non hùng vĩ, nay sa cơ, thất thế, bị nhốt chặt trong cũi sắt, hổ cảm thấy nhục nhằn tù hãm. Chúa sơn lâm bất bình khi bị biến thành trò lạ mắt, thứ đồ chơi của lũ người nhỏ bé mà ngạo mạn, bị hạ xuống ngang bầy *cùng bọn gấu dở hơi, với cặp báo chuồng bên vô tư lự*… Vùng vẫy cách nào cũng không thoát, hổ đành nằm dài với tâm trạng bất lực, buông xuôi.  Thực tại đáng buồn khiến cho hổ càng da diết nhớ thuở còn tự do vùng vẫy giữa núi cao, rừng thẳm:  BT 3. Ý kiến Nhà phê bình văn học Hoài Thanh.   * Giải thích ý kiến:   Đề cập đến nội dung cảm xúc mãnh liệt tương ứng hình thức thể hiện.  Ông đánh giá tài nghệ của tác giả “ Điều khiển… ngữ”   * Chứng minh ý kiến:   Cảm xúc phong phú, mãnh liệt.  Sự mãnh liệt của cuộc sống được thể hiện qua: giọng thơ, mạch thơ, hình ảnh, từ ngữ.  BT4. Cảm xúc lãng mạn trong bài thơ Nhớ rừng thể hiện ở khía cạnh:  - Hướng về thế giới mộng tưởng lớn lao, phi thường, bằng cảm xúc sôi trào mãnh liệt, thế giới đối lập với thực tại tầm thường, giả dối…  - Diễn tả thấm thía nổi đau trong ti9nh thần bi tráng, tức là nổi uất ức, xót xa của hùm thiêng khi bị sa cơ lỡ vận.  BT5:  Đoạn ba của bài thơ giống như một bộ tranh tứ bình lộng lẫy miêu tả phong cảnh thiên nhiên trong những thời điểm khác nhau:  Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan ? ……………………………………. Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?   => Bốn cảnh: những đêm vàng, những ngày mưa, những bình minh, những chiều lênh láng máu sau rừng, cảnh nào cũng tráng lệ, lần lượt hiện lên trong nỗi nhớ tiếc khôn nguôi của con hổ sa cơ.   Đó là cảnh huyền ảo, thơ mộng của chúa sơn lâm. Vị chúa tể đại ngàn đang ung dung đợi chết mảnh mặt trời gay gắt, để chiếm lấy riêng ta phần bí mật trong vũ trụ bao la những câu thơ, thể hiện khẩu khí đẩy tự tôn, tự hào của vị chúa tể muôn loài.  Nhưng dẫu huy hoàng đến đâu chăng nữa thì cũng chỉ là hào quang của dĩ vãng hiện ra trong hoài niệm. Những điệp ngữ: nào đâu, đâu những… lặp đi lặp lại nhấn mạnh sự tiếc nuối của con hổ đối với quá khứ vinh quang. Chúa sơn lâm dường như ngơ ngác, chới với trước thực tế phũ phàng mà mình đang phải chịu đựng. Giấc mơ đẹp đẽ đã khép lại trong tiếng thở dài u uất: |

4.Củng cố:

5. Dặn dò:*về nhà xem lại nội dung bài. Chuản bị bài TT*

*\* Rút kinh nghiệm.....................................................................................................................*

*...................................................................................................................................................*

*....................................................................................................................................................*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Tuần 22. Ngày soạn: 12 /1/

Tiết33,34 Ngày dạy : 15 /1/

ÔN TẬP VB: QUÊ HƯƠNG

I. Muïc tieâu:

1. Kieán thöùc : Giup HS củng cố, mở rộng kiến thức về 2 văn bản.

2. Kó naêng: Rèn luyện kĩ năng phân tich, cảm thụ văn bản.

II. Chuaån bò:

1. Taøi lieäu tham khaûo : SGK, SGV, NVNC.

2. Phöông phaùp : Neâu vñ, giaûng giaûi, ñaøm thoaïi, thảo luận.

3. Ñoà duøng DH : Baûng phuï.

III. Tieán trình leân lôùp:

1. OÅn ñònh lôùp :

2. Baøi cuõ:

3. Baøi môùi:

Teá Hanh laø moät trong nhöõng nhaø thô noåi tieáng vôùi taäp ngheïn ngaøo, trong ñoù queâ höông laø nhöõng baøi hay nhaát, ñöôïc taùi hieän trong noãi nhôù cuûa nhaø thô treû baèng theå thô 8 chöõ, ñeàu ñaën, hình aûnh moät laøng chaøi ven bieån mieàn Trung vôùi tình caûm meán yeâu, noàng thaém. Ñeå cuûng coá noäi dung, ta tìm hieåu tieáp baøi hoïc.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoaït ñoäng cuûa thaày vaø troø | Noäi dung |
| \* HĐ 1: HS nhắc lại nd kiến thức.  HS nhắc lại vài nét cơ bản về tg, tp.  HS nhắc lại nd. GV chốt.  Tác giả có mặt trong phong trào thơ mới và tiếp tục sáng tác dồi dào, bền bỉ sau CM, Quê hương là nguồn cảm hứng lớn trong suốt cuộc đới của Tế Hanh.  Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?  => Thơ 8 chữ(thơ mới)  Khái quát về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?  => ND: Bài thơ đã vẽ ra bức tranh thiên nhiên, cuộc sống tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển và tình cảm tha thiết chân thành của tác giả.  NT: sự sáng tạo hình ảnh thơ:  Miêu tả chân xác, không tô vẽ.  Hình ảnh bay bổng, lãng mạn.  Cảnh quê hương của tg là cảnh mang đặc điểm gì?  => Thiên nhiên lao động, sinh hoạt.  \* HĐ 2: HD HS luyện tập.  BT 1. Bài thơ được viết theo phương thức miêu tả hay biểu cảm, tự sự hay rtữ tình?  => Bài thơ có miêu tả cảnh thiên nhiên, sinh hoạt nhưng vẫn là bài thơ trữ tình, biểu cảm, cảm xúc, nỗi nhớ làng quê miền biển vẫn tràn ngập trong tâm hồn của tg.  BT 2. Viết đoạn văn ngắn nói về tình cảm của em đối với làng quê, nơi em sing ra và lớn lên.  HS thực hiện yêu cầu bt.  Gv gọi hs lên bảng làm bài tập.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung.  BT3: Chép thuộc lòng 8 câu thơ đầu trong bài thơ và nêu nôị dung.  Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới  ……………………………………  Rướn thân trắng bao la thâu góp gió.  BT 4. Hai câu dưới dây, tác giả dùng biện pháp so sánh:  Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã.  Cánh buồm giương to như mãnh hồn làng.  Em thấy 2 cách so sánh trên có gì khác nhau? Mỗi cách có hiệu quả nghệ thuật riêng ntn?    HS thực hiện yêu cầu bt.  hs làm bài tập.  GV sửa chữa, bổ sung.  BT 5: Sưu tầm một số câu thơ về quê hương?  Hai câu dưới dây, tác giả dùng biện pháp so sánh:  Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã.  Cánh buồm giương to như mãnh hồn làng.  Em thấy 2 cách so sánh trên có gì khác nhau? Mỗi cách có hiệu quả nghệ thuật riêng ntn?  BT 5. Dưới đây là hai câu thơ miêu tả người dân chài:  *Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,*  *Cả thân hình nồng thở vị xa xăm.*  Theo em cách miêu tả ở 2 câu đó có gì khác nhau? Cách miêu tả ở câu dưới có hiệu quả nghệ thuật đặc biệt gì?  Ở câu trên tg mt một đặc điểm có thật và nổi bật ở người dân chài lưới, đây la 2câu thơ tả thực, làm nổi bật nét ngoại hình tiêu biểu về người dân chài.  Câu thứ 2 là một sdáng tạo độc đáo của tg, tg đã phát hiện cái mơ hồ, vô hình trong cái cụ thể, hữu hình, câu thơ thể hiện qua tâm ,,hồn của nhà thơ.  HS thực hiện yêu cầu bt.  Gv gọi hs lên bảng làm bài tập.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung. | I. Kiến thức cơ bản.  1.Tác giả  - Tế Hanh (1921- 2009) tại một làng chài ven biển tỉnh Quảng Ngãi.  2.Tác phẩm:  - ''Quê hương'' viết năm 1939  3.Thể loại: Thể thơ 8 chữ    4. Nội dung, nghệ thuật.    ND: Bài thơ đã vẽ ra bức tranh thiên nhiên, cuộc sống tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển và tình cảm tha thiết chân thành của tác giả.  NT: sự sáng tạo hình ảnh thơ:  Miêu tả chân thực, không tô vẽ.  Hình ảnh bay bổng, lãng mạn.    II. LUYỆN TẬP..  BT 1. Quê hương là bài thơ trữ tình, nhưng phần lớn số câu lại là miêu tả.  => Bài thơ có miêu tả cảnh thiên nhiên, sinh hoạt nhưng vẫn là bài thơ trữ tình, biểu cảm, cảm xúc, nỗi nhớ làng quê miền biển vẫn tràn ngập trong tâm hồn của tg.  BT 2. Đoạn văn.  Tình yêu quê hương đất nước bao giờ cũng là tính cảm thiêng liêng cao quý, ai chẳng có một miền quê yêu dấu để nhớ, từ thời bé thơ cho đến trưởng thành, niềm yêu quê hương da diết, quê hương như có có ma lực, có sức gợi cảm, sức hút diệu kì dù thời gian, không gian…  BT3: Nôị dung  - 2 câu đầu giới thiệu chung về ''làng tôi''  - 6 câu tiếp: miêu tả cảnh thuyền chài ra khơi đánh cá.  BT 4. Hai câu thơ dùng biện pháp so sánh, tuy nhiên mỗi câu có hiệu quả nghệ thuật riêng:  So sánh con thuyền ra khơi hăng như con tuấn mã, tức là con thuyền chạy nhanh như con ngựa đẹp và khỏe đang phi. Ở đây tg so sánh cái cụ thể hữu hình này với cái cụ thể hữu hình khác. Sự so sánh này làm nổi bật vẻ đẹp, sự mạnh mẽ của con thuyền ra khơi.  So sánh cánh buồm với mãnh hồn làng tức là so sánh một vật cụ thể hữu hình quen thuộc với một cái trừu tượng vô hình có ý nghĩa thiêng liêng. Cách so sánh này chẳng những làm cho cánh buồm trở nên sống động mà còn có vẻ đẹp và trở nên trang trọng, lớn lao, bất ngờ. cách buồm no gió ra khơi trở thành biểu tương rất phù hợp và đầy ý nghĩa của làng chài.    BT 5:  Lòng quê dợn dợn vời con nước  Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà  (Tràng giang - Huy Cận)  - Thuở còn thơ ngày hai buổi đến trường  Yêu quê hương qua từng trang sách nhỏ  (Quê hương - Giang Nam)  Quê hương mỗi người chỉ một  Như là chỉ một mẹ thôi  *(Quê hương* - Đỗ Trung Quân) BT 5. Hai câu thơ dùng biện pháp so sánh, tuy nhiên mỗi câu có hiệu quả nghệ thuật riêng:  So sánh con thuyền ra khơi hăng như con tuấn mã, tức là con thuyền chạy nhanh như con ngựa đẹp và khỏe đang phi. Ở đây tg so sánh cái cụ thể hữu hình này với cái cụ thể hữu hình khác. Sự so sánh này làm nổi bật vẻ đẹp, sự mạnh mẽ của con thuyền ra khơi.  So sánh cánh buồm với mãnh hồn làng tức là so sánh một vật cụ thể hữu hình quen thuộc với một cái trừu tượng vô hình có ý nghĩa thiêng liêng. Cách so sánh này chẳng những làm cho cánh buồm trở nên sống động mà còn có vẻ đẹp và trở nên trang trọng, lớn lao, bất ngờ. cách buồm no gió ra khơi trở thành biểu tương rất phù hợp và đầy ý nghĩa của làng chài.  BT 6.  - Ở câu trên tg mt một đặc điểm có thật và nổi bật ở người dân chài lưới, đây la 2câu thơ tả thực, làm nổi bật nét ngoại hình tiêu biểu về người dân chài.  - Câu thứ 2 là một sdáng tạo độc đáo của tg, tg đã phát hiện cái mơ hồ, vô hình trong cái cụ thể, hữu hình, câu thơ thể hiện qua tâm ,,hồn của nhà thơ. |

BÀI TẬP VỀ NHÀ.

1. Bài thơ được viết trong hoàn cảnh nào? Hoàn cảnh ấy có tác động như thế nào đến tâm hồn người chiến sĩ - thi sĩ Tố Hữu?

2. Tìm những chi tiết nói về vẻ đẹp của mùa hè. Nét độc đáo trong cách cảm nhận của nhà thơ?

3. Thời gian bị giam cầm ở nhà lao Thừa Phủ, Tố Hữu có một bài thơ khác là *Tâm tư trong tù* viết tháng tư năm 1939. Bài thơ này mở đầu như sau:

*Cô đơn thay là cảnh thân tù*

*Tai mở rộng và lòng sôi rạo rực*

*Tôi lắng nghe tiếng đời lăn náo nức*

*Ở ngoài kia vui sướng biết bao nhiêu.*

Em hãy chỉ ra điểm giống nhau về cảm hứng nghệ thuật của đoạn thơ này và bài thơ *Khi con tu hú*.

4.Củng cố:

5. Dặn dò:*về nhà xem lại nội dung bài. Chuản bị bài TT*

*\* Rút kinh nghiệm.....................................................................................................................*

*...................................................................................................................................................*

*....................................................................................................................................................*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Tuần 23 Ngày soạn: 19 /1/

Tiết 35,36 Ngày dạy : 22/1/

ÔN TẬP :VĂN THUYẾT MINH

TỨC CẢNH PẮC BÓ.

I. Muïc tieâu:

1. Kieán thöùc :- Giuùp HS củng cố, mở rộng và nâng cao kt về Văn bản thuyết minh.

- Củng cố thêm kiến thức về văn bản TCPB.

2. Kó naêng: Rèn kỹ năng xác định chủ đề, sắp xếp và phát triển ý khi viết đoạn văn thuyết minh.

- Kĩ năng cảm thụ văn bản.

II. Chuaån bò:

1. Taøi lieäu tham khaûo : SGK, SGV, NVNC.

2. Phöông phaùp : Neâu vñ, giaûng giaûi, ñaøm thoaïi, thảo luận.

3. Ñoà duøng DH :

III. Tieán trình leân lôùp:

1. OÅn ñònh lôùp :

2. Baøi cuõ:

3. Baøi môùi:

Đoạn văn là bộ phận của bài văn, để một bài văn thuyết minh hay, đòi hỏi phải có sự kết hợp chặt chẽ các đoạn văn với nhau. …

|  |  |
| --- | --- |
| Hoaït ñoäng cuûa thaày vaø troø | Noäi dung |
| \* HĐ 1: Nhắc lại nd kiến thức.  Khi làm bài văn TM cần xác định được điều gì?  => Các ý lớn trong bài văn.  Mỗi ý cần diễn đạt ra sao?  => Mỗi ý viết thành 1 đoạn văn.  Khi viết đoạn văn cần trình bày ntn?  => Nêu rõ ý chủ đề của đoạn văn( ý chủ đề thể hiện ở đầu hoặc cuối đoạn văn).  Các ý trong đoạn văn được sắp xếp theo thứ tự ntn?  => thứ tự: cấu tạo của sv, thứ tự nhận thức…  \* HĐ 2: HD HS luyện tập.  BT 1. Cho chủ đề: “ Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam”  Gv gợi ý hs làm bài tập.  Có thể cụ thể hóa thành 1 vài ý nhỏ sau:  - Năm sinh – mất, quê quán và gia đình.  - Đôi nét về quá trình hoạt động sự nghiệp.  - Vai trò và cống hiến to lớn của Người đối với dân tộc và thời đại.  GV gọi HS đứng lên đọc bt.  HS cả lớp nhận xét, bổ sung.  GV sửa chữa, chốt nd.  Có thể mở rộng thêm về sự nghiệp của Người (Người đã suốt đời nêu cao ngọn cờ độc lập và tự do cho dân tộc)  BT 2: Viết đoạn văn MB- KB "[Giới thiệu](http://www.soanbai.com/2013/10/soan-bai-viet-doan-van-trong-van-ban-thuyet-minh.html) trường em",  BT 3. Viết một đoạn văn giới thiệu về bố cục sách Ngữ văn 8 (T1).  Gv gợi dẫn hs trả lời các câu hỏi sau:  ? Sách có tổng số bao nhiêu bài?  Mỗi bài có mấy phần?  ? Mỗi phần có những nội dung gì?  Riêng phần Tập làm văn trước khi rút ra ghi nhớcủng cố nội dung các bài tập, sau cùng là phần luyện tập.  GV gọi HS lên bảng làm bt.  HS cả lớp nhận xét, bổ sung.  GV sửa chữa, chốt nd.  BT4:Thuyết minh về một món ăn.  BT5:Thuyết minh về một loài cây của quê hương em.  BT6: Thuyết minh về một loài hoa: sen, hướng dương | I. Kiến thức cơ bản.  - Đoạn văn trong văn bản thuyết minh.  + Khi viết đoạn văn cần trình bày rõ ý chủ đề của đoạn tránh lẫn ý của đoạn văn khác.  II. Luyeän taäp.  BT 1. Chủ đề: “ Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam”  Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam, vốn mang trong mình nổi đau mất nước, ng thanh niên Ng Tất Thành đã quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Sau khi trở về nước, Bác đã dành toàn bộ cuộc đời mình cống hiến cho sự nghiệp CM của nước nhà. Chúng ta hôm nay sống trong không khí hạnh phúc, hòa bình… một phần lớn phải kể đến công lao và sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Người…  BT2:  Mở bài: Mời các bạn đến thăm trường chúng tôi – một ngôi trường nhỏ bé, nằm giữa cánh đồng xanh là một ngôi trường thân yêu của chúng tôi.  Kết bài:  Trường tôi như thế đó giản dị, khiêm nhường mà xiết bao gắn bó, chúnh tôi yêu qúy nó vô cùng những kỉ niệm về mái trường này sẽ theo chúng tôi đến suốt cuộc đời.  BT 3. Giới thiệu về bố cục sách Ngữ văn 8 (T1).  Sách Ngữ văn 8 (T1), có 17 bài, trong đó mỗi bài chủ yếu có 3 phần: phần văn, phần TV, TLV. Phần văn bao gồm: văn bản, đọc hiểu văn bản, để chốt lại nội dung một số ý ghi nhớ và phần luyện tập(có thể không có nội dung này), phần TV có bài tập thực hành được chia thành các mục để rút ra ghi nhớ về lý thuyết và luyện tập để củng cố nội dung đã học, phần TLV….. |

VĂN BẢN: TỨC CẢNH PẮC BÓ.

I. KiÕn thøc c¬ b¶n:

1. Bµi th¬ ®­îc s¸ng t¸c vµo thµng 2 - 1941, sau 30 n¨m ho¹t ®éng ë n­íc ngoµi, BHå trë vÒ TQ. Tr­íc m¾t lµ nh÷ng gian nan thö th¸ch. T­¬ng lai cßn mê mÞt. HiÖn t¹i lµ cuéc sèng ®Çy gian khæ ë trong mét hang nhá, s¸t biªn giíi. Nguån thùc phÈm chñ yÕu lµ ng«, m¨ng rõng. Bµn lµm viÖc lµ phiÕn

®¸ bªn bê suèi c¹nh hang. CÇn hiÓu ®óng nh÷ng yÕu tè nµy ®Ó thÊy hÕt ý nghÜa cña giäng ®iÖu vui –-nhÑ - “sang” cña bµi th¬.

2. HiÖn thùc cuéc sèng gian khæ bçng trë thµnh thi vÞ, nªn th¬ trong c¶m nhËn cña B¸c. Tõ ®ã nhËn ra vÎ ®Ñp cña t©m hån B¸c: ung dung, l¹c quan v­ît lªn mäi thö th¸ch, gian khæ cña cuéc sèng – vÎ ®Ñp cña ng­êi chiÕn sÜ trong cèt c¸ch cña mét thi sÜ.

3. Bth¬ lµ sù kÕt hîp cña vÎ ®Ñp cæ ®iÓn vµ hiÖn ®¹i. ThÓ th¬ §­êng luËt ®­îc sö dông mét c¸ch tù nhiªn thanh tho¸t.

II. LuyÖn tËp:

1. Thèng kª nh÷ng h/¶ cña thiªn nhiªn vµ nªu râ mèi q/hÖ cña c¸c h/¶ nµy víi n/vËt tr÷ t×nh trong bth¬.

2. Cã mÊy c¸ch hiÓu vÒ 3 ch÷ “vÉn s½n sµng” ë c©u thø 2? Em chän c¸ch hiÓu nµo? V× sao?

3. Em cã c¶m nhËn ntn vÒ giäng ®iÖu riªng vµ tinh thÇn chung cña bth¬? Nh÷ng ytè nµo gióp em c¶m nhËn ®­îc nh­ vËy?

4. Qua bth¬, mét mÆt, cã thÓ thÊy cuéc sèng cña HCM ë PBã thËt gian khæ, nh­ng mÆt kh¸c, l¹i thÊy Ng­êi rÊt vui, coi ®ã lµ “sang”. Em gthÝch ®iÒu ®ã ntn? Tõ ®ã em hiÓu HCM lµ ng­êi thÕ nµo?

5. H·y s­u tÇm vµ ghi chÐp l¹i nh÷ng c©u th¬ nãi vÒ niÒm vui víi c¸i nghÌo, vui v× sèng hoµ víi

th/nhiªn cña B¸c còng nh­ cña c¸c nhµ th¬ kh¸c. T×m hiÓu sù gièng vµ kh¸c nhau gi÷a c¸c c©u th¬ ®ã.

*\* Rút kinh nghiệm.....................................................................................................................*

*...................................................................................................................................................*

*....................................................................................................................................................*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Tuần 24. Ngày soạn : 26/ 1/

Tiết37,38 Ngày dạy : 29/1 /

VB NGẮM TRĂNG

TV CÂU CẦU KHIẾN.

I. Muïc tieâu:

1. Kieán thöùc :- Giuùp HS củng cố, mở rộng và nâng cao kt về vb: Ngắm Trăng.

2. Kó naêng: - Rèn kỹ năng tìm hiểu, phân tích vb.

II. Chuaån bò:

1. Taøi lieäu tham khaûo : SGK, SGV, NVNC.

2. Phöông phaùp : Neâu vñ, giaûng giaûi, ñaøm thoaïi, thảo luận.

3. Ñoà duøng DH : Baûng phuï.

III. Tieán trình leân lôùp:

1. OÅn ñònh lôùp :

2. Baøi cuõ:

3. Baøi môùi:

Tập thơ Nhật kí trong tù cho ta thấy một tâm hồn cao đẹp, ý chí cách mạng kiên cường, tài thơ của HCM, trong Người chiến sĩ cách mạng ấy vẫn có một khách lâm tuyền, và thú vui của Bác được thể hiện ra sao? Để củng cố nội dung, ta tìm hiểu tiếp bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoaït ñoäng cuûa thaày vaø troø | Noäi dung |
| \* HĐ 1: HS nhắc lại nd kiến thức.  HS nhắc lại vài nét cơ bản về tg, tp.  HS nhắc lại nd. GV chốt.  Tập thơ Nhật kí trong tù được dịch ra thành tiếng Việt 1960, được phổ biết rộng rãi, in lại nhiều lần và đã trở thành một sự kiện văn học lớn.  Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?  => Thơ thất ngôn tứ tuyệt.  Khái quát về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?  => ND: Bài thơ cho ta thấy Bác không bận tâm về những gian khổ, thiếu thốn vật chất trong tù mà để tâm hồn bay bổng tìm đến thiên nhiên, cùng vầng trăng tri kỉ.  NT: Nét đặc sắc trong phong cách thơ trữ tình của Bác: vừa có màu sắc cổ điển, vừa mang tinh thần hiện đại, vừa giản dị,...  \* HĐ 2: HD HS luyện tập.  BT1 . Có người nhận xét bài Ngắm trăng là một cuộc vượt ngục về tinh thần của người tù cách mạng HCM, em hiểu điều đó ntn? Hãy giải thích và chứng minh?  Bài thơ được viết trong tù, không có rượu cũng không có hoa mà còn không có tự do…  HS thực hiện yêu cầu bt.  Gv gọi hs lên bảng làm bài tập.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung  Sự tự ý thức về cảnh ngộ đã tạo cho tư thế ngắm trăng của người tù một ý nghia sâu sắc hơn các cuộc ngắm trăng, thưởng trăng thường tình. Qua song sắt nhà tù, Bác ngắm vầng trăng đẹp. Người tù ngắm trăng với tất cả tình yêu trăng, với một tâm thế “vượt ngục” đích thực? Song sắt nhà tù không thể nào giam hãm được tinh thần người tù có bản lĩnh phi thường như Bác…  BT 2: Chép thuộc lòng bài thơ và nêu nội dung hai câu cuối?  ? Em biết những câu thơ nào trong NKTT của Bác viết về cảnh thân tù: *“Đầy mình đỏ tím như hoa gấm.*  *Sột soạt luôn tay tựa gẩy đàn”...*  *“Rệp bò lổm ngổm như xe cóc.*  *Muỗi lượn nghênh ngang tựa máy bay” “ gầy đen như quỉ đói.*  *Ghẻ lở mọc đầy thân”*  *GV.* Tuy gian nan cơ cực như vậy nhưng trong bài thơ này Bác không hề có chút than phiền mà chỉ có chút nuối tiếc không được thưởng trăng một cách trọn vẹn. | I. Kieán thöùc.  1. Taùc giaû, taùc phaåm.  Xuất xứ: Trích trong tập “Nhật ký trong tù”.Tập thơ viết bằng chữ Hán gồm 133 bài.  -Bài thơ được sáng tác trong khoảng thời gian Bác bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam ở Quảng Tây (Trung Quốc) (8/1942-9/1943)  - Thể loại : thất ngôn tứ tuyệt.  2.Noäi dung vaø ngheä thuaät.  ND: Bài thơ cho ta thấy Bác không bận tâm về những gian khổ, thiếu thốn vật chất trong tù mà để tâm hồn bay bổng tìm đến thiên nhiên, cùng vầng trăng tri kỉ.  NT: Nét đặc sắc trong phong cách thơ trữ tình của Bác: vừa có màu sắc cổ điển, vừa mang tinh thần hiện đại, vừa giản dị,...  II. Luyeän taäp.  BT1 .  Ta thấy: “Nhân, Nguyệt” rồi lại “Nguyệt, Thi gia” ở hai đầu câu thơ và cái song sắt nhà tù chắn ở giữa. Trăng và người tù tâm sự với nhau qua cái song sắt nhà tù đáng sợ ấy. Khoảnh khắc giao cảm giữa thiên nhiên và con người xuất hiện một sự hóa thân kỳ diệu: “Tù nhân” đã biến thành thi gia. Lời thơ đẹp đầy ý vị. Nó biểu hiện một tư thế ngắm trăng hiếm thấy. Tư thế ấy chính là phong thái ung dung, tự tại, lạc quan yêu đời, yêu tự do. “Ngắm trăng” là một bài thơ trữ tình đặc sắc. Bài thơ không hề có một chữ “thép” nào mà vẫn sáng ngời chất “thép”. Trong gian khổ tù đầy, tâm hồn Bác vẫn có những giây phút thảnh thơi, tự do ngắm trăng, thưởng trăng.  BT 2:  Trong tù ..........nhà thơ  => Tình yêu thiên nhiên, phong thái ung dung tự tại, bản lĩnh phi thường của người chiến sĩ – nghệ sĩ.... |

TV CÂU CẦU KHIẾN

I. Muïc tieâu:

1. Kieán thöùc : Giuùp HS củng cố, mở rộng và nâng cao kt về câu cầu khiến.

2. Kó naêng: Rèn kỹ năng nhận diện, sử dụng câu cầu khiến trong nói và viết.

II. Chuaån bò:

1. Taøi lieäu tham khaûo : SGK, SGV, NVNC.

2. Phöông phaùp : Neâu vñ, giaûng giaûi, ñaøm thoaïi, thảo luận.

3. Ñoà duøng DH : Baûng phuï.

III. Tieán trình leân lôùp:

1. OÅn ñònh lôùp :

2. Baøi cuõ:

3. Baøi môùi:

Câu cầu khiến là những câu có từ ngữ cầu khiến như: hãy, đừng, chớ... đứng sau từ biểu thị nội dung cầu khiến, hoặc ngữ điệu cầu khiến. Để củng cố nội dung, ta tìm hiểu tiếp bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoaït ñoäng cuûa thaày vaø troø | Noäi dung |
| \* HĐ 1: HS nhắc lại nd kiến thức.  Hs đọc ví dụ và xác định câu cầu khiến dùng để làm gì?  Vd 1. Cấm hút thuốc!  Vd 2. Bạn hãy đi đi!  Câu 1. dùng ngữ điệu cầu khiến.  Câư 2. có từ cầu khiến.  Hs lấy thêm vd phân tích.  ? Câu câu khiến có đặc điểm hình thức và chức năng ra sao?  Hs trả lời, Gv chốt lại nội dung.  Câu cầu khiến đôi khi được kết thúc bằng dấu chấm(khi ý cầu khiến không được nhấn mạnh).  \* HĐ 2: HD HS luyện tập.  BT 1. Khi muốn mượn quyển sách của bạn em thường dùng những câu nào?  Hs tự do đưa ra nội dung câu trả lời.  Gv hướng hs đến những câu thể hiện ý nghĩa tế nhị và lịch sự, tránh những câu có sắc thái hơi sỗ sàng.  HS thực hiện yêu cầu bt.  Gv gọi hs lên bảng làm bài tập.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung  BT 2. Điền các từ và cụm từ: mệnh lệnh, chúc tụng kêu gọi, yêu cầu mời mọc, thúc giục, khuyên răn vào cột A cho phù hợp với cột B.   |  |  | | --- | --- | | A. Nội dung cầu khiến. | B. Từ thường dùng. | | a | Yêu cầu, xin mời, đề nghị, cho phép… | | b | Chớ, đừng… | | c | Hãy, cứ… | | d | Nào, đi… | | e | Chúc, ước gì… |   HS thực hiện yêu cầu bt.  Gv gọi hs lên bảng làm bài tập.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung.  BT 3. Hãy viết một đoạn văn ngắn có sử dụng câu cầu khiến.  Chủ đề về : Tệ nạn xã hội.  HS thực hiện yêu cầu bt.  Gv gọi hs đọc nd bài tập.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung. | I. Kieán thöùc cơ bản.    - Câu cầu khiến là những câu có từ cầu khiến như: hãy, đừng chớ,… hay ngữ điệu cầu khiến.  - Dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo.    II. Luyeän taäp.  BT 1. Đặt câu:  - Bạn hãy cho mình mượn quyển sách được không?  - Bạn cho mình mượn quyển sách nhé!  BT 2.  a. Yêu cầu, mời mọc.  b. Mệnh lệnh.  c. Khuyên răn.  d. Thúc giục.  e. Chúc tụng, kêu gọi.  BT 3. Đoạn văn. |

BT4. Tìm câu nghi vấn trong các câu dưới đây, chỉ ra các đặc điÓm hình thức của các câu nghi vấn đó và cho biết chúng được dùng với mục đích gì:

a. *Thằng kia, Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu! Mau!*

*(Ngô Tất tố)*

b*. Tôi quắc mắt:*

*- Sợ gì? [....] Mày bảo tao còn còn biết sợ ai hơn tao nữa!*

(Tô Hoài)

c*. Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nỗi này ! Tôi hối lắm! Tôi hối hận lắm! Anh mà chết là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ?*

(Tô Hoài)

d. *Cháu nằm trên lúa*

*Tay nắm chặt bông*

*Lúa thơm mùi sữa*

*Hồn bay giữa đồng...*

*Lượm ơi, còn không?* (Tố Hữu)

e. *Thân gầy guộc, lá mong manh*

*Mà sao nên luỹ nên thành tre ơi?*

(Nguyễn Duy)

g*. - Nói đùa thế, chứ ông giáo để cho khi khác ...*

*- Việc gì còn phải chờ khi khác?...Không bao giờ nên hoãn sự sung sướng lại. Cụ cứ ngồi xuống đây! Tôi làm nhanh lắm...*

(Nam Cao)

h. *Cả đàn bò giao cho thằng bé người không ra người ngợm không ra ngợm ấy, chăn dắt làm sao?*

*(Sọ Dừa)*

i*. Đã ăn thịt còn lo liệu thế nào? Mày đừng có làm dại mà bay đầu đi đó, con ạ!*

*(Em bé thông minh)*

k*. Nhà vua ngắm nhìn mặt biển, rồi nói:*

*- Biển này sao không có cá nhỉ?*

*(Cây bút thần)*

l. *Đồ ngốc! sao lại không bắt con cá đền cái gì? Đòi một cái máng cho lợn ăn không được à?*

*(Ông lão đánh cá và con cá vàng)*

BT5. Hãy đặt các câu nghi vấn nhằm các mục đích sau (mỗi mục đích một câu):

a. Nhờ bạn đèo về nhà

b. Mượn bạn một cái bút

c. Bộc lộ cảm xúc trước một bức tranh đẹp

d. Thường dùng để chào. Đặt một tình huống cụ thể để sử dụng một trong số những câu đó

BT6. Tìm câu cầu khiến trong các câu dưới đây và chỉ ra những dấu hiệu hình thức của câu cầu khiến đó:

a. *Đừng cho gió thổi nữa! Đừng cho gió thổi nữa!*

b. *Đã ăn thịt còn lo liệu thế nào? Mày đừng có làm dại mà bay mất đầu, con ạ!*

c. *Xin bệ hạ hoàn gươm lại cho Long Quân!*

d. *Ừ, được! Muốn hỏi con gái ta, hãy về sắm đủ một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo mười vò rượu tăm đem sang đây.*

e. *Cho gió to thêm một tí! Cho gió to thêm một tí!*

g. *Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu! Mau!*

BT7. Giải thích tại sao các câu cầu khiến dưới đây có chủ ngữ. Nếu bỏ chủ ngữ đi thì có được không?

a. *Đứa bé nghe tiếng rao, bỗng dưng cất tiếng nói:*

*- Mẹ ra mời sứ giả vào đây*.

b. *Ông cầm lấy cái này về tâu đức vua xin rèn cho tôi thành một con dao để xẻ thịt chim.*

BT8. Chỉ ra sự khác nhau về hình thức cầu khiến và sự thay đổi quan hệ giữa người nói và người nghe trong các câu sau:

a*. Lão đi tìm con cá vàng và bảo nó tao không muốn làm một bà phu nhân nữa, tao muốn làm nữ hoàng kia*.

b*. Mày hãy đi tìm con cá, bảo nó tao không muốnlàm nữ hoàng, tao muốn làm Long Vương ngự trên mặt biển, để con cá vàng hầu hạ tao và làm theo ý muốn của tao*.

. 6. Viết một đoạn văn ngắn có sử dụng câu hỏi tu từ, c©u cÇu khiÕn.

4Củng cố,Dặn dò:

*\* Rút kinh nghiệm.....................................................................................................................*

*...................................................................................................................................................*

*....................................................................................................................................................*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

TUẦN 25: Ngày soạn:.9 /2/

Tiết 39,40 Ngày dạy:.12/2/

ÔN TẬP: CHIẾU DỜI ĐÔ

I. Muïc tieâu:

1. Kieán thöùc : Giuùp HS củng cố, mở rộng và nâng cao kt về vb: Chiếu dời đô

2. Kó naêng: Rèn kỹ năng tìm hiểu, phân tích vb.

II. Chuaån bò:

1. Taøi lieäu tham khaûo : SGK, SGV, NVNC.

2. Phöông phaùp : Neâu vñ, giaûng giaûi, ñaøm thoaïi, thảo luận.

3. Ñoà duøng DH : Baûng phuï.

III. Tieán trình leân lôùp:

1. OÅn ñònh lôùp :

2. Baøi cuõ:

3. Baøi môùi:

Định đô, lập nước là một trong những công việc quan trọng của một quốc gia, với khát vọng xây dựng một đất nước giàu mạnh và bền vững. Lí Công Uẩn đã ban Thiên đô chiều cho triều đình và nhân dân được biết. Để củng cố nội dung, ta tìm hiểu tiếp bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoaït ñoäng cuûa thaày vaø troø | Noäi dung |
| \* HĐ 1: HS nhắc lại nd kiến thức.  HS nhắc lại vài nét cơ bản về tg, tp.  HS nhắc lại nd. GV chốt.  Lí Công Uẩn là vị vua đầu sáng lập Vương triều Lí, năm 1010 dời kinh đô từ Hoa Lư(Ninh Bình) ra Đại La, đổi tên nước từ Đại Cồ Việt – Đại Việt. Mở ra một thời kì phát triển mới của đất nước.  Văn bản được víết theo thể văn nào?  => Chiếu.  Khái quát về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?  => ND: Dời đô từ núi Hoa Lư ra vùng đồng bằng đất rộng, định đô ở Thăng Long là thực hiện nguyện vọng của nhân dân, thu giang sơn về một mối, xây dựng đất nước độc lập tự cường..  NT: Cách kết thúc mang tính chất đối thoại, tạo sự đồng cảm giữa mệnh lệnh của Vua với thần dân, dùng lí lẽ chặt chẽ và tình cảm chân thành.  \* HĐ 2: HD HS luyện tập.  BT 1Theo em, Lí Công Uẩn đã đưa ra những lí lẽ nào để khẳng định Thành Đại La là kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời. Thùc tiÔn lÞch sö gÇn mét ngh×n n¨m cña ®Êt n­íc cã ®óng nh­ ®iÒu tiªn ®o¸n vµ kh¼ng ®Þnh cña t¸c gi¶ *ChiÕu dêi ®«* kh«ng?  BT 2. Chứng minh Chiếu dời đô có kết cấu chặt chẽ, lập luận giàu sức thuyết phục.  Bài Chiếu thuộc thể văn nghị luận, có bố cục mấy phần? => 3 phần.  Phần mở đầu nêu lên điều gì?  Phần 2 ra sao?  Phần kết luận ntn?  HS thực hiện yêu cầu bt.  Gv gọi hs lên bảng làm bài tập.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung  BT3 Ph©n tÝch t­ t­ëng yªu n­íc trong bµi *ChiÕu dêi ®«*? | I. Kieán thöùc.  1.Taùc giaû, taùc phaåm.    2.Noäi dung vaø ngheä thuaät.      II. Luyeän taäp.  BT1.  + VÞ trÝ ®Þa lÝ: ë trung t©m ®Êt n­íc, më ra bèn h­íng nam, b¾c, t©y, ®«ng; “ ®­îc c¸i thÕ rång cuén hæ ngåi”, “ l¹i tiÖn h­íng nh×n s«ng dùa nói”.  + VÒ ®Þa thÕ: “ Réng mµ b»ng”, “ ®Êt ®ai cao mµ tho¸ng”, tr¸nh ®­îc c¶nh ngËp lôt.  + VÒ vÞ thÕ chÝnh trÞ, v¨n ho¸: Lµ ®Çu mèi giao l­u, “ Chèn tô héi träng yÕu cña bèn ph­¬ng”, lµ m¶nh ®Êt h­ng thÞnh “ Mu«n vËt còng rÊt mùc phong phó tèi t­¬i”.  - Thùc tiªn lÞch sö gÇn mét ngh×n n¨m qua ®· cho thÊy sù tiªn ®o¸n vµ kh¼ng ®Þnh cña vua LÝ Th¸i Tæ vÒ kinh ®« Th¨ng Long lµ hoµn toµn ®óng ®¾n. Th¨ng Long ®­îc chän lµm kinh ®« cña hÇu hÕt c¸c triÒu ®¹i tõ LÝ, TrÇn, HËu Lª, M¹c. ChØ cã triÒu T©y S¬n vµ triÒu NguyÔn chän Phó Xu©n (HuÕ) lµm kinh ®«. Suèt nhiÒu thÕ kØ ë thêi k× ph¸t triÓn, h­ng thÞnh cña ®Êt n­íc §¹i ViÖt, kinh ®« Th¨ng Long thùc sù lµ n¬i tô héi vµ tiªu biÓu cho c¸c gi¸ trÞ v¨n ho¸, vËt chÊt vµ tinh thÇn cña ®Êt n­íc, lµ n¬i “L¾ng hån nói s«ng” (NguyÔn §×nh Thi), còng lµ mét ®« thÞ sÇm uÊt, ®øng hµng ®Çu trong c¸c ®« thÞ n­íc ta thêi phong kiÕn: “ Thø nhÊt Kinh k×, thø nh× phè HiÕn”  BT 2. Chiếu dời đô là bài văn nghị luận giàu sức thuyết phục, bởi có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí và tình.  - Trình tự lập luận.  Nêu sử sách làm tiền đề.  Soi sáng tiền đề vào thực tế.  Đi đến kết luận.  - Đây là lời tuyên bố mệnh lệnh, nhưng có những đoạn bày tỏ nổi lòng, có những lời như đối thoại, trao đổi: “ Trẫm rất đau xót về việc đó”…  BT3.  A. Më bµi:  + Giíi thiÖu bµi ChiÕu dêi ®« cña LÝ Th¸i Tæ.  + Kh¼ng ®Þnh bµi chiÕu lµ mét bµi v¨n s¸ng ngêi t­ t­ëng yªu n­íc.  B. Th©n bµi: BiÓu hiÖn cña t­ t­ëng yªu n­íc trong bµi chiÕu.  1. Kh¸t väng x©y dùng ®Êt n­íc hïng c­êng, v÷ng bÒn, ®êi sèng nh©n d©n thanh b×nh, triÒu ®¹i thÞnh trÞ.  + ThÓ hiÖn ë môc ®Ých cña viÖc rêi ®«.  + ThÓ hiÖn ë c¸ch nh×n vÒ mèi quan hÖ gi÷a triÒu ®¹i, ®Êt n­íc vµ nh©n d©n.  2. KhÝ ph¸ch cña mét d©n téc ®éc lËp tù c­êng:  + Thèng nhÊt giang s¬n vÒ mét mèi.  + Kh¼ng ®Þnh t­ c¸ch ®éc lËp ngang hµng víi Trung Hoa.  + NiÒm tin vµo t­¬ng lai mu«n ®êi cña ®Êt n­íc.  C. KÕt bµi:  + Kh¼ng ®Þnh t­ t­ëng yªu n­íc cña bµi chiÒu.  + Nªu ý nghÜa vµ vÞ trÝ cña bµi chiÕu. |

\* Củng cố, dặn dò.

*\* Rút kinh nghiệm*

*..............................................................................................................................................*

*...................................................................................................................................................*

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

TUẦN 26: Ngày soạn:. /2/

Tiết 41,42 Ngày dạy:. /2/

ÔN TẬP:CÂU TRẦN THUẬT

I. Muïc tieâu:

1. Kieán thöùc : Giuùp HS củng cố, mở rộng và nâng cao kt về câu trần thuật.

2. Kó naêng: Rèn kỹ năng nhận diện, sử dụng câu trần thuật trong nói và viết.

II. Chuaån bò:

1. Taøi lieäu tham khaûo : SGK, SGV, NVNC.

2. Phöông phaùp : Neâu vñ, giaûng giaûi, ñaøm thoaïi, thảo luận.

3. Ñoà duøng DH :

III. Tieán trình leân lôùp:

1. OÅn ñònh lôùp :

2. Baøi cuõ:

3. Baøi môùi:

Câu trần thuật là kiểu câu không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu khác và được sử dụng rộng rãi hơn so với các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán. Để củng cố nội dung, ta tìm hiểu tiếp bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoaït ñoäng cuûa thaày vaø troø | Noäi dung |
| \* HĐ 1: HS nhắc lại nd kiến thức.  Hs đọc ví dụ và xác định câu trần thuật.  Vd 1. Rắn là loài bò sát không chân.  Vd 2. Chúng ta phải thấm nhuần đạo lí uống nước nhớ nguồn.  Câu trên thuộc kiểu câu gì? Dựa vào đặc điểm hình thức nào mà em biết được điều đó?  => Câu trần thuật, câu không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán.  Câu 1. Thông tin khoa học.  Câu 2. Yêu cầu.  Hs lấy thêm vd phân tích.  ? Câu trần thuật có đặc điểm hình thức và chức năng ra sao?  Hs trả lời, Gv chốt lại nội dung.  \* HĐ 2: HD HS luyện tập.  BT 1. Đặt câu trần thuật dùng để: hứa hẹn, xin lỗi, cảm ơn, chúc mừng, cam đoan.  Gv chia lớp thành 4 nhóm thảo luận.  Thời gian ghi câu trả lời 3p hết tg nhóm nào ghi được nhiều câu trả lời hơn sẽ thắng.  HS thực hiện yêu cầu bt.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung  BT2: C¸c c©u sau ®©y cã ph¶i lµ c©u c¶m th¸n kh«ng ? V× sao ?  1. a. Lan ¬i ! VÒ mµ ®i häc !  b. Th«i råi, L­îm ¬i ! (Tè H÷u)  2. ChØ ra sù kh¸c nhau ë 2 c©u sau:  a. BiÕt bao ng­êi lÝnh ®· x¶ th©n cho Tæ quèc !  => BiÕt bao: tõ chØ sè l­îng.  b. Vinh quang biÕt bao ng­êi lÝnh ®· x¶ th©n cho Tæ quèc !  3. Các câu TT sau đây có chức năng gì?  a/ *TrÉm muèn dùa vµo sù thuËn lîi cña ®Êt Êy ®Ó ®Þnh chç ë.*  b/ *G­¬ng mÆt mÑ t«i vÉn t­¬i s¸ng víi ®«i m¾t trong vµ n­íc da mÞn, lµm næi b¹t mµu hång cña 2 gß m¸.*  c/ *MÑ t«i thøc theo.*  d/ *CËu nµy kh¸ !*  BT 3. Hãy viết một đoạn văn ngắn có sử dụng 4 kiểu câu đã học..  Chủ đề về : Bảo vệ mội trường.  HS thực hiện yêu cầu bt.  Gv gọi hs đọc nd bài tập.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung.  Việc cải tiến phương tiện thu rác có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc xử lý rác tại nguồn, tại từng hộ gia đình, từng cá nhân trong khi môi trường đang có ô nhiễm nghiêm trọng nhất là vấn đề xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp… | I. Kieán thöùc.    Đặc điểm hình thức và chức năng.  Câu trần thuật không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán.  Kết thúc câu bằng dấu chấm, chấm than, chấm lửng.  Dùng để: kể, tả, thông báo, nhận định…    Vd. Ngày mai lớp 8A đi lao động.  II. Luyeän taäp.  BT1. Đặt câu:  a. Cao cả biết bao đức hi sinh của mẹ!  b. Ôi chao, buổi bình minh mới đẹp làm sao!  BT 2.  1 a. §©y lµ 2 c©u, c©u sau cã ý nhÊn m¹nh nªn ®Æt dÊu chÊm than. C©u ®Çu (Lan ¬i !) cã h×nh thøc c¶m th¸n, nh­ng kh«ng ph¶i lµ c©u c¶m th¸n, v× môc ®Ých lµ gäi ®¸p.  b. §©y lµ c©u c¶m th¸n, nh»m biÓu thÞ c¶m xóc.  2.a. BiÕt bao ng­êi lÝnh ®· x¶ th©n cho Tæ quèc !  => BiÕt bao: tõ chØ sè l­îng.  b. Vinh quang biÕt bao ng­êi lÝnh ®· x¶ th©n cho Tæ quèc !  => BiÕt bao: tõ chØ sù c¶m th¸n -> C©u c¶m th¸n.  3.a/ Tr×nh bµy: *TrÉm muèn dùa vµo sù thuËn lîi cña ®Êt Êy ®Ó ®Þnh chç ë.*  b/ T¶: *G­¬ng mÆt mÑ t«i vÉn t­¬i s¸ng víi ®«i m¾t trong vµ n­íc da mÞn, lµm næi b¹t mµu hång cña 2 gß m¸.*  c/ KÓ: *MÑ t«i thøc theo.*  d/ BiÓu lé t/c, c¶m xóc: *CËu nµy kh¸ !*  BT3;Đoạn văn.  Hiện nay, ô nhiễm môi trường đang là vấn đề cấp bách trên mỗi quốc gia, và cả thế giới và có rất nhiều phương án để khắc phục, giảm thiểu hậu quả quả của ô nhiễm môi trường gây ra. Trong đó việc xử lý và thu gom rác thải sinh hoạt gặp nhiều khó khăn cả về phương tiện và phương pháp, hiện nay phổ biến là việc thực hiện 3R. Trong khi đó, công việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm tới từng người dân trong xã hội ngày nay, do vậy tiến trình giảm thiểu giảm thải ô nhiễm môi trường chưa rộng khắp… |

BT4. Tìm câu cảm thán trong các câu sau, chỉ ra dấu hiệu, chỉ ra các cảm xúc mà mỗi câu cảm thán dưới đây biểu thị.

a*. Ôi quê hương! Mối tình tha thiết*

*Cả một đời gắn chặt với quê hương*

b. *Phỏng thử có thằng chim cắt nó nhòm thấy, nó tưởng mồi, nó mổ cho một phát, nhất định trúng giữa lưng chú, thì chú có mà đi đời! Ôi thôi, chú mày ơi! Chú mày có lớn mà chẳng có khôn.*

c. *Con này gớm thật!*

d. *Khốn nạn! Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi.*

e*. Ha ha! Một lưỡi gươm*!

g. *Đồ ngu! Ngốc sao ngốc thế! Đòi một cái nhà thôi à? Trời! Đi tìm ngay con cá và bảo nó rằng tao không muốn làm một mụ nông dân quèn, tao muốn làm một bà nhất phẩm phu nhân kia.*

h*. Cứ nghĩ thầy sắp ra đi và tôi không còn được gặp thầy nữa, là tôi quên cả những lúc thầy phạt, thầy vụt thước kẻ.*

*Tội nghiệp thầy!*

BT5. Đặt câu cảm thán nhằm bộc lộ cảm xúc trước các sự việc:

- Được điểm mười

- Bị điểm kém

- Nhìn thấy con vật lạ

BT6. Nªu môc ®Ých cô thÓ cña nh÷ng c©u trÇn thuËt d­íi ®©y:

a.(1) Mçi c©u “Chèi nµy” chÞ Cèc l¹i gi¸ng mét má xuèng. ( 2) Má Cèc nh­ c¸i dïi s¾t chäc xuyªn c¶ ®Êt.

b.(1) Cµng ®æ dÇn vÒ h­íng mòi Cµ Mau th× s«ng ngßi, kªnh r¹ch cµng bña gi¨ng chi chÝt nh­ m¹ng nhÖn(2) Trªn th× trêi xanh, d­íi th× n­íc xanh, chung quanh m×nh còng chØ toµn mét s¾c xanh c©y l¸.

c.Em g¸i t«i tªn lµ KiÒu Ph­¬ng, nh­ng t«i quen gäi nã lµ MÌo v× nã lu«n bÞ chÝnh nã b«i bÈn.

d. Nh÷ng ®éng t¸c th¶ sµo, rót sµo rËp rµng nhanh nh­ c¾t.

e. C¸c con ¬i, ®©y lµ lÇn cuèi cïng thÇy d¹y c¸c con.

g. CÇu Long Biªn b¾c qua s«ng Hång, Hµ Néi, ®­îc khëi c«ng x©y dùng vµo n¨m 1898 vµ hoµn thµnh sau bèn n¨m, do kiÕn tróc s­ næi tiÕng Ng­êi Ph¸p Ðp – phen thiÕt kÕ.

BT7. Nh÷ng c©u trÇn thuËt in ®Ëm d­íi ®©y cã g× ®Æc biÖt? Chóng ®­îc dïng để làm gì?

a. Th«i em chµo c« ë l¹i. Chµo tÊt c¶ c¸c b¹n, t«i ®i.

b. Th«i t«i èm yªu qu¸ råi, chÕt còng ®­îc. *Nh­ng tr­íc khi nh¾m m¾t, t«i khuyªn anh: ë ®êi mµ cã thãi hung h¨ng bËy b¹, cã ãc mµ kh«ng biÕt nghÜ, sím muén råi còng mang v¹ vµo m×nh ®Êy.*

*\* Rút kinh nghiệm*

*..................................................................................................................................................*

*..................................................................................................................................................*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Tuần 27 Ngày soạn;. /2/

Tiết :43,44 Ngày dạy:. /2/

VB HỊCH TƯỚNG SĨ

I. Muïc tieâu:

1. Kieán thöùc : Giuùp HS củng cố, mở rộng và nâng cao kt về vb: Hịch tướng sĩ.

2. Kó naêng: Rèn kỹ năng tìm hiểu, phân tích, cảm thụ vb.

II. Chuaån bò:

1. Taøi lieäu tham khaûo : SGK, SGV, NVNC.

2. Phöông phaùp : Neâu vd, giaûng giaûi, ñaøm thoaïi, thảo luận.

3. Ñoà duøng DH :

III. Tieán trình leân lôùp:

1. OÅn ñònh lôùp :

2. Baøi cuõ:

3. Baøi môùi:

Bài Hịch tướng sĩ phản ánh tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, biểu hiện ,cụ thể ở lòng căm thù giặc sâu sắc của tác giả... Để củng cố nội dung, ta tìm hiểu tiếp bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoaït ñoäng cuûa thaày vaø troø | Noäi dung |
| \* HĐ 1:Ôn lại kiến thức cơ bản.  HS nhắc lại vài nét cơ bản về tg, tp.  HS nhắc lại nd. GV chốt.  Mục đích viết bài Hịch tướng sĩ là khích lệ tinh thần của tướng sĩ, đòi hỏi bài Hịch phải có kết cấu chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, giọng văbn hào hùng, đanh thép...  Khái quát về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?  => ND: Xét về hoàn cảnh ra đời, tư tưởng chủ đạo của văn bản là nêu cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng, đây chính là thước đo cao nhất, tập trung nhất của tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm...  NT: Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố chính luận và yếu tố văn chương, giữa lí trí và tình cảm, luận điểm được luận chứng bằng lập luận chặt chẽ.  \* HĐ 2: HD HS luyện tập.  BT 1. Phát biểu cảm nhận về lòng yêu nước của tác giả qua bài Hịch?  HS thực hiện yêu cầu bt.  Gv gọi hs lên bảng làm bài tập.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung   Bài Hịch của Trần Hưng Đạo là một sản phẩm điển hình của tinh thần quốc gia phong kiến. Đứng về mặt giá trị tư tưởng, nó tỏ lòng ái quốc, tinh thần hy sinh và quyết chí tiêu diệt xâm lăng. Nhưng xét đến nội dung thiết thực và động cơ tư tưởng, thì chúng ta lại thấy biểu lộ một cách có thể nói là “trắng trợn”, những ý nghĩ của một giai cấp chuyên môn bóc lột. Đành rằng đoạn đầu có nêu gương hy sinh của những anh hùng thời xưa, “bỏ mình vì nước”.  -Đối tượng mà bài hướng tới là ai? Mục đích cơ bản mà bài hịch hướng tới là gì? Để đạt được mục đích đó, tác giả đã sử dụng giọng điệu nào?  - Đoạn văn nào thể hiện rõ nhất lòng yêu nước, căm thù gặc của Trần Quốc Tuấn? Phân tích những nét đặc sắc về tư tưởng và nghệ thuật của đoạn văn đó?  - Phân tích nghệ thuật lập luận của tác giả trong đoạn phê phán những hành động sai trái của tướng sĩ và nêu lên những hành động đúng đắn, nên làm?  Qua “Chiếu dời đô” và “Hịch tướng sĩ”, em hãy nêu lên nét giống và khác nhau giữa 2 thể loại: chiếu và hịch? | I:kiến thức cơ bản.      II. Luyeän taäp.  BT 1. Lòng yêu nước của tác giả thể hiện trên nhiều góc độ:  Căm thù giặc sâu sắc.  Nhục nhã cho thể diện dân tộc.  Đau đớn vì chưa tiêu diệt được kẻ thù.  Diễn tả bằng những nét nghệ thuật đặc sắc…  Không chỉ căm thù giặc mà trần Quốc Tuấn còn nguyện hy sinh thân mình cho sự nghiệp đánh đuổi ngoại xâm, giành lại độc lập cho dân tộc: “dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.” Trần Quốc Tuấn quả là một con người yêu nước thương dân, ông đúng là tấm gương sáng cho binh sĩ noi theo để mà biết hy sinh bản thân vì nước vì dân.  BT2:Đối tượng mà bài hướng tới là ai? Mục đích cơ bản mà bài hịch hướng tới là gì? Để đạt được mục đích đó, tác giả đã sử dụng giọng điệu nào?  Để trả lời câu hỏi này, phải đặt bài hịch trong hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ.  - Kẻ thù đang lăm le xâm lược, tình hình đất nước “ ngàn cân treo sợi tóc”.  - Một số tướng sĩ mải mê hưởng lạc, một số khác sợ uy của giặc nên dao động, muốn cầu hoà.  Đối tượng nghe là quân ta (tướng sĩ).  Mục đích chính của bài hịch là khích lệ lòng yêu nước, tinh thần quyết chiến quyết thắng, đánh tan tư tưởng bàng quan, thái độ cầu an hưởng lạc của một số tướng sĩ.  Để đạt được mục đích ấy, Trần Quốc Tuấn sử dụng nhiều giọng điệu khác nhau: thân tình mà nghiêm khắc khi nói với tướng sĩ, căm uất khi nói tới kẻ thù,...  BT3:  Đoạn văn “Ta thường tới bữa ... ta cũng vui lòng.” là một đoạn đặc bịêt xúc động.  - Muốn khơi thức lòng căm thù giặc và tinh thần chiến đấu của tướng sĩ, trước hết người viết phải bày tỏ, bộc bạch thái độ của chính mình. Trong đoạn văn này, lòng yêu nước của tác giả được bộc lộ hết sức cụ thể: “tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa”, bày tỏ thái độ mạnh mẽ: “căm tức cha xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù”; sẵn sàng chấp nhận mọi hi sinh vì Tổ quốc: “Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.  - Về mặt nghệ thuật, cần chú ý sự xuất hiện liên tiếp của các vế gồm 4 từ (tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa) nhằm nhấn mạnh một nỗi đau lớn; cách diễn tả lòng căm thù giặc cao độ thông qua cácđộnh từ gây ấn tượng mạnh (xả thịt, lột da, nuốt gan, uống máu) và câu văn có quan hệ *dẫu cho ...(thì) ta cũng vui lòng* nhằm khẳng định tinh thần quyết sống mái với kẻ thù.  - Những lời bộc bạch trên đây không phải là những lời nói suông mà là những lời nói từ tim gan của một con người coi lợi ích của Tổ quốc là lợi ích tối cao. Những lời bộc bạch tự đáy lòng này có ý nghĩa như một tấm gương để tướng sĩ học tập.  BT4:  Đây là một đoạn văn hay, tình và lí kết hợp hài hoà, lời văn sắc bén, sôi nổi, uyển chuyển.  - Trong đoạn phê phán tướng sĩ, cần chú ý cách lập luận:  +Sử dụng liên tiếp những từ mang màu sắc phủ định (*không biết lo, không biết thẹn, không biết tức, không biết căm*) để nói về thái độ bàng quan trước vận mệnh của đất nước của các tướng sĩ. Đoạn văn này đặt ngay sau đoạn văn nói về ân tình chủ - tớ ở trên với ý: tướng sĩ đang phụ lòng tốt của chủ tướng.  + Chỉ ra các thú hưởng lạc làm “quên việc nước, quên việc binh” cũng là chỉ ra thái độ vô trách nhiệm của các tướng sĩ trước vận nước, nhất là trong cảnh đất nước lâm nguy.  + Chỉ ra hậu quả khôn lường: nước mất nhà tan. Cần lưu ý, tác giả nói đến hậu quả khi đất nước bị xâm chiếm: *quá khứ* (xã tắc tổ tông bị giày xéo, mồ mả cha ông bị quật lên), *hiện tại* (bị bắt, gia quyến bị tan,...), *tương lai* (trăm năm sau tiếng dơ khôn rửa, tên xấu còn lưu,...).  - Các việc nên làm:  + Nêu cao tinh thần cảnh giác.  + Tăng cường luyện tập, học tập Binh thư yếu lược.  Những việc nên làm mà tác giả nêu lên đều gắn với chuyện ích nước lợi nhà. Để mọi người nhận thức rõ hơn, Trần Quốc Tuấn nêu lên hai viễn cảnh:  (1) Khi nói đến viễn cảnh thất bại, tác giả sử dụng hàng loạt từ phủ định: *không còn, cũnh mất, bị tan, cũng khốn,...*  (2) Khi nói đến viễn cảnh thắng lợi, tác giả sử dụng hàng loạt từ khẳng định: *mãi mãi vững bền, đời đời hưởng thụ, không bị mai một, sử sách lưu thơm*,...  Ngoài ra, gắn với thủ pháp đối lập, tương phản, tác giả rất chú ý tác động tới tiến trình nhận thức, nêu bật vấn đề từ nông đến sâu, từ nhạt đến đậm.  BT5:  - Giống nhau:  + Cả hai loại văn này đều nhằm mục đích ban bố công khai, là lời của bề trên nói với kẻ dưới.  + Đều là thể văn nghị luận, kết cấu chặt chẽ, lập luận sắc bén, có thể được viết bằng văn xuôi, văn vần hoặc văn biền ngẫu.  - Khác nhau: Chiếu dùng để ban bố mệnh lệnh; hịch dùng để kêu gọi, cổ vũ, thuyết phục nhằm mục đích khích lệ tinh thần, tình cảm. |

BT về nhà.- Chứng minh bài “Hịch tướng sĩ” vừa có lập luận chặt chẽ, sắc bén vừa giàu hình tượng, cảm xúc, do đó có sức thuyết phục cao.

4. Cuûng coá vaø daën doø :

Ý nghĩa lịch sử - xã hội to lớn của bài Hịch tướng sĩ?

Hoïc baøi cuõ, chuaån bò baøi: Hịch tướng sĩ (tt).

5. Ruùt kinh nghieäm:

................................................................................................................................

................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Tiết:45,46 Ngày soạn: /3/

TUẦN 28: Ngày dạy:…../ 3/

HÀNH ĐỘNG NÓI

I. Muïc tieâu:

1. Kieán thöùc : Giuùp HS củng cố, mở rộng và nâng cao kt về Hành động nói.

2. Kó naêng: Rèn kỹ năng nhận diện, sử dụng câu phủ định trong nói và viết.

II. Chuaån bò:

1. Taøi lieäu tham khaûo : SGK, SGV, NVNC.

2. Phöông phaùp : Neâu vñ, giaûng giaûi, ñaøm thoaïi, thảo luận.

3. Ñoà duøng DH : Baûng phuï.

III. Tieán trình leân lôùp:

1. OÅn ñònh lôùp :

2. Baøi cuõ:

3. Baøi môùi:

Hành động nói là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định, ta có thể thực hiện nhiều kiểu câu để thực hiện hành động nói. Để củng cố nội dung, ta tìm hiểu tiếp bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoaït ñoäng cuûa thaày vaø troø | Noäi dung |
| \* HĐ 1: HS nhắc lại nd kiến thức.  Hs đọc ví dụ và xác định hành động nói.  Vd 1. A - Nam ơi, đường ra bưu điện xã T.Lập đi lối nào?  Ứng xử của Nam có thể là:   1. Nam – không nói gì cả. 2. Nam – xin lỗi, tôi cũng không biết.   ? Em hãy cho biết A thực hiện hành động nói gì? => hỏi.  ? Câu trả lời của Nam giúp cho A đạt được mục đích không?   * Câu 1 – không cộng tác. * Câu 2 – có cộng tác.   ? Từ nội dung trên em hãy nhắc lại hành động nói là gì?  Hs lấy thêm ví dụ phân tích.  Hs đọc đoạn đối thoại sau:  A. Cậu vừa đi đá bóng về đấy à?  B. Gật đầu.  A. Kết quả thế nào?  B. Lắc đầu.  ? Trong đoạn thoại trên có những hành động nói nào?  => A. Hành động hỏi.  B. Hành động xác nhận, bác bỏ.  ? Em hãy chop biết có những hành động nói nào thường gặp?  => Hỏi, trình bày, cầu khiến.  Hs lấy thêm Vd phân tích.  \* HĐ 2: HD HS luyện tập.  BT1 . Hãy viết đoạn đối thoại ngắn, trong đó có dùng hành động nói: hỏi, điều khiển và bộc lộ cảm xúc.  Nội dung tự chọn.;  HS thực hiện yêu cầu bt.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung  BT2. Xác định hành động nói cho những câu in đậm sau. Cho biết chúng thuộc nhóm hành động nào?  a. Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm:  -Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.  b. Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên cười hỏi:  - Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không?  c. Chị Dậu nghiến hai hàm răng:  - (1) Mày trói ngay chồng bà đi, (2) bà cho mày xem!  d. Thấy thế, tôi hốt hoảng quỳ xuống, nâng đầu Dế Choắt lên mà than rằng:  - Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nỗi này!  e. Tôi nghe thấy thầy Ha-men bảo tôi:  - Phrăng ạ, thầy sẽ không mắng con đâu.  g. Có người khẽ nói:  - Bẩm, dễ có khi đê vỡ!  BT3. Đặt câu để thực hiện:  - Một hành động thuộc nhóm trình bày;  - Một hành động thuộc nhóm điều khiển;  - Hành động hỏi;  - Một hành động thuộc nhóm hứa hẹn;  - Một hành động thuộc nhóm bộc lộ cảm xúc;  BT4. Những câu sau đây dùng để thực hiện hành động nói nào?  *a. Em cam đoan những điều trên là đúng sự thật.*  *b. (1) Kính chào nữ hoàng. (2) Chắc bây giờ nữ hoàng đã thoả lòng rồi chứ?*  *c. Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!*  *d. Cảm ơn cụ, (nhà cháu đã tỉnh táo như thường).*  BT5. Các hành động nói ở những câu sau được thực hiện trực tiếp hay gián tiếp?  *a. (Thằng kia!) (1) Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? (2) Nộp tiền sưu! (3) Mau!*  *b. (1) Các con ơi, đây là lần cuối cùng thầy dậy các con.(2) Lệnh từ Béc-lin là từ nay chỉ dạy tiếng Đức ở các trường vùng An- dát và Lo-ren... (3) Thầy giáo mới ngày mai sẽ đến. (4) Hôm nay là bài học Pháp văn cuối cùng của các con. (5) Thầy mong các con hết sức chú ý.* | I. Kieán thöùc.    1.Hành động nói.  Là hành động được thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định.  2. Các kiểu hành động nói thường gặp:  Hỏi, trình bày(báo tin, kể, tả, nêu ý kiến…)  Điều khiển(cầu khiến, đe dọa, thách thức…)  Hứa hẹn, bộc lộ cảm xúc.  II. Luyeän taäp.  BT1 . Đoạn đối thoại.  Có sử dụng hành động nói:  Hỏi.  Điều khiển.  Bộc lộ cảm xúc.  BT2:  a. hành động mời - thuộc nhóm điều khiển.  b. hành động hỏi  c. (1) hành động thách thức - thuộc nhóm điều khiển.  (2) hành động đe doạ - thuộc nhóm hứa hẹn.  d. hành động ân hận - thuộc nhóm bộc lộ cảm xúc.  e. hành động hứa - thuộc nhóm hứa hẹn.  g. hành động cảnh báo - thuộc nhóm trình bày.  động nói thuộc nhóm điều khiển.  2. HS tự đặt câu theo yêu cầu của bài 2.  BT3.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Hành động nói | Cách thực hiện | | a. | Hứa hẹn  (cam đoan) | dùng câu trần thuật có động từ chỉ hành động nói. | | b.(1) | Bộc lộ cảm xúc  (chào) | dùng câu trần thuật có động từ chỉ hành động nói. | | b.(2) | Hỏi | dùng câu nghi vấn trực tiếp | | c. | Điều khiển(van) | dùng câu trần thuật có động từ chỉ hành động nói. | | d. | Bộc lộ cảm xúc (cảm ơn) | dùng câu trần thuật có động từ chỉ hành động nói |   BT4. HS tiến hành các bước sau:  - Xác định kiểu câu phân loại theo mục đích nói và mục đích trực tiếp của chúng.  - Xác định mục đích sử dụng thực tế của từng câu.  - Đối chiếu kết quả của hai bước trên với nhau để trả lời.  Các hành động nói và cách thực hiện ở các câu đã cho được xác định như sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Câu | Hành động nói | Cách thực hiện | | a (1) | trình bày | dùng câu nghi vấn gián tiếp | | a (2) | điều khiển | dùng câu cầu khiến trực tiếp | | a (3) | điều khiển | dùng câu cầu khiến trực tiếp | | b (1) | trình bày | dùng câu trần thuật trực tiếp | | b (2) | trình bày | dùng câu trần thuật trực tiếp | | b (3) | trình bày | dùng câu trần thuật trực tiếp | | b (4) | trình bày | dùng câu trần thuật trực tiếp | | b (5) | điều khiển | dùng câu trần thuật gián tiếp | |

4. Cuûng coá vaø daën doø :

Hành động nói là gì? Có những kiểu hành động nói nào thường gặp?

Hoïc baøi cuõ, chuaån bò baøi: Hội thoại.

5. Ruùt kinh nghieäm:

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Tiết: 47-48 Ngày soạn: 10/3 /

TUẦN 29: Ngày dạy 12/3/

ÔN TẬP VB: NƯỚC ĐẠI VIỆT TA

(TRÍCH: BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO) (Trần Quốc Tuấn)

I. Muïc tieâu:

1. Kieán thöùc : Giuùp HS củng cố, mở rộng và nâng cao kt về vb: Nước Đại Việt ta.

2. Kó naêng: Rèn luyện kỹ năng tìm hiểu, phân tích vb.

II. Chuaån bò:

1. Taøi lieäu tham khaûo : SGK, SGV, NVNC.

2. Phöông phaùp : Neâu vñ, giaûng giaûi, ñaøm thoaïi, thảo luận.

3. Ñoà duøng DH :

III. Tieán trình leân lôùp:

1. OÅn ñònh lôùp :

2. Baøi cuõ:

3. Baøi môùi:

Bài Bình Ngô Đại cáo do Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi soạn thảo đầu năm 1428, công bố cuộc kháng chiến chính nghĩa của nghĩa quân Lam sơn chống giặc Minh đã kết thúc thắng lợi... Để củng cố nội dung, ta tìm hiểu tiếp bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoaït ñoäng cuûa thaày vaø troø | Noäi dung |
| \* HĐ 1: HS nhắc lại nd kiến thức.  HS nhắc lại vài nét cơ bản về tg, tp.  HS nhắc lại nd. GV chốt.  Nguyễn Trãi là nhà yêu nước, anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới...  Vb. Cáo là thể văn nghị luận cổ, cũng như hịch, cáo là thể văn có tính chất hùng biện, do đó lời lẽ phải đanh thép, lí lẽ sắc bén.  Khái quát về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?  => ND: Tg nêu nguyên lí nhân nghĩa, chân lí khách quan, nguyên lí đầy tính thuyết phục và sức mạnh của chính nghĩa.  NT: Sử dụng từ ngữ thể hiện tính chất hiển nhiên, nghệ thuật so sánh.  Văn bản được víết theo thể văn nào?  => thể cáo.  \* HĐ 2: HD HS luyện tập.  BT 1. Khái quát sơ đồ thể hiện trình tự lập luận của Tg trong đoạn trích Bình Ngô Đại cáo.  HS thực hiện yêu cầu bt.  Gọi hs lên bảng vẽ sơ đồ.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung.  Bµi tËp 2 H·y x¸c ®Þnh vÞ trÝ cña ®o¹n trÝch vµ ý nghÜa cña ®o¹n v¨n nµy ®èi víi toµn bé bµi c¸o.  Bµi tËp 3: Trong hai c©u ®Çu, t¸c gi¶ nªu lªn t­ t­ëng g×? Ph©n tÝch ®Ó nªu bËt néi dung cña t­ t­ëng ®ã.  Bµi tËp 4: TÝnh chÊt cña mét b¶n Tuyªn ng«n ®éc lËp ®­îc thÓ hiÖn ë nh÷ng ph­¬ng diÖn nµo trong ®o¹n v¨n nµy? Theo em trong ®ã ph­¬ng diÖn nµo lµ quan träng nhÊt? V× sao?  Bµi tËp 5: Cã b¶n dÞch c©u *“Tõ TriÖu, §inh LÝ, TrÇn bao ®êi x©y nÒn ®éc lËp , Cïng H¸n, §­êng, Tèng, Nguyªn mçi bªn x­ng ®Õ mét ph­¬ng*” lµ *Tõ TriÖu, §inh, LÝ,TrÇn bao ®êi x©y nÒn ®éc lËp , Cïng H¸n, §­êng, Tèng, Nguyªn hïng cø mét ph­¬ng*”. Theo em, c¸ch dÞch nµo hîp lý h¬n? v× sao?  Bµi tËp 6: H·y chøng minh sù kÕt hîp chÆt chÏ gi÷a lÝ lÏ vµ thùc tiÔn trong ®o¹n v¨n nµy.  Bµi tËp7:  So s¸nh víi bµi *“S«ng nói n­íc Nam*” ®Ó thÊy nh÷ng nÐt míi vµ s©u s¾c trong t­ t­ëng cña NguyÔn Tr·i thÓ hiÖn qua ®o¹n trÝch “ *N­íc §¹i ViÖt ta*” | I. Kieán thöùc.  1. Taùc giaû, taùc phaåm.    2. Noäi dung vaø ngheä thuaät.      II. Luyeän taäp.  BT 1. Sơ đồ thể hiện trình tự lập luận của Tg.  Bµi 2. §o¹n v¨n trªn ®©y thuéc phÇn ®Çu cña bµi c¸o. §©y lµ phÇn nªu lªn luËn ®Ó chÝnh nghÜa vµ t­ t­ëng cèt lâi xuyªn suèt toµn bé bµi. NÕu thiÕu phÇn nµy, kÕt cÊu cña bµi sÏ bÞ ph¸ vì vµ c¸c phÇn sau sÏ trë nªn ch«ng chªnh, thiÕu søc thuyÕt phôc v× bµi c¸o thiÕu mét tiÒn ®Ò t­ t­ëng v÷ng ch¾c.  Bµi 3. Trong hai c©u ®Çu, t¸c gi¶ nªu lªn t­ t­ëng nh©n nghÜa. Cèt lâi cña t­ t­ëng Êy lµ Yªn d©n vµ trõ b¹o. Yªn d©n lµ lµm cho d©n ®­îc an h­ëng th¸i b×nh, h¹nh phóc. §ã chÝnh lµ môc ®Ých lín nhÊt cña cuéc khëi nghÜa Lam S¬n vµ còng chÝnh lµ lý t­ëng lín nhÊt trong cuéc ®êi NguyÔn Tr·i. Muèn yªn d©n th× ph¶i trõ b¹o. Nh­ vËy, nÕu yªn d©n lµ môc ®Ých th× trõ b¹o lµ ph­¬ng c¸ch hµnh ®éng. §Æt trong hoµn c¶nh lÞch sö lóc bÊy giê, ta thÊy, trõ b¹o lµ trõ qu©n Minh x©m l­îc, yªn d©n lµ v× h¹nh phóc cña ng­êi d©n §¹i ViÖt ®ang bÞ kÎ thï ®Çy ®o¹. ®©y lµ nÐt míi trong t­ t­ëng NguyÔn Tr·i: Trong quan niÖm cña nho gi¸o, nh©n nghÜa chñ yÕu nãi ®Õn mèi quan hÖ gi÷a ng­êi víi ng­êi. NguyÔn Tr·i ®· n©ng t­ t­ëng nh©n nghÜa lªn mét tÇm cao míi: Mèi quan hÖ gi÷a d©n téc nµy vµ d©n téc kh¸c, gi÷a c¸ nh©n vµ d©n téc.  Bµi 4. C¸c ph­¬ng diÖn ®· ®­îc NguyÔn Tr·i nãi ®Õn.  - NÒn v¨n hiÕn l©u ®êi( Vèn x­ng nÒn v¨n hiÕn ®· l©u)  - C­¬ng vùc, l·nh thæ ( Nói s«ng bê câi ®· chia).  - Phong tôc tËp qu¸n ( Phong tôc B¾c Nam còng kh¸c)  - LÞch sö vµ truyÒn thèng gi÷ quyÒn ®éc lËp ( Tõ triÖu, §inh… x­ng ®Õ mét ph­¬ng).  §©y lµ nh÷ng ph­¬ng diÖn c¬ b¶n nhÊt x¸c ®Þnh quyÒn ®éc lËp, tù chñ cña mét d©n téc.  Bµi 5. C©u hái nµy kh«ng b¾t buéc v× kiÕn thøc vµ ch÷ H¸n vµ v¨n häc v­ît qu¸ hiÓu biÕt cña HS líp 8. Tuy nhiªn, chóng t«i nªu lªn nh­ mét tham kh¶o:  - §©y lµ hai c©u ®Æt c¸c triÒu vua n­íc ta song song, ngang hµng víi c¸c triÒu ®¹i Trung Quèc(riªng TriÖu tøc TriÖu §µ, kÎ c­íp n­íc ¢u L¹c nh­ng NguyÔn Tr·i nhÇm, cã lÏ v× tr­íc ®©y trong sö s¸ch cã tµi liÖu coi ®ã lµ mét triÖu ®¹i cña n­íc ta).  - DÞch lµ “hïng cø mét ph­¬ng” kh«ng cã g× sai nh­ng ch­a kh¼ng ®Þnh ®­îc lßng tù t«n d©n téc vµ ch­a thÊy ®­îc t­ thÕ ngang hµng cña vua Nam víi hoµng ®Õ ph­¬ng B¾c. Tr­íc ®©y, vua Trung Quèc tù coi m×nh lµ ®Õ, cßn vua c¸c n­íc xung quanh chØ lµ v­¬ng ( thÊp h¬n ®Õ). VËy nªn, c¸ch dÞch *x­ng ®Õ mét ph­¬ng*” hîp lÝ h¬n. H¬n n÷a, c¸ch dÞch nµy s¸t víi nguyªn t¸c cña NguyÔn Tr·i.  Bµi 6:  A. Më bµi  + Giíi thiÖu t¸c phÈm B×nh Ng« ®¹i c¸o.  + Giíi thiÖu luËn ®Ò : Søc thuyÕt phôc cña v¨n chÝnh luËn NguyÔn Tr·i lµ ë chç kÕt hîp gi÷a lÝ lÏ vµ thùc tÕ.  B. Th©n bµi  1. Nªu néi dung chÝnh cña ®o¹n trÝch: t­ t­ëng nh©n nghÜa vµ ch©n lÝ vÒ chñ quyÒn ®éc lËp cña d©n téc.  2. Chøng minh: hai ch©n lÝ trªn ®· ®­îc kh¼ng ®Þnh b»ng c¸ch kÕt hîp gi÷a lÝ lÏ vµ thùc tÕ.  a.T­ t­ëng nh©n nghÜa ®­îc nªu lªn b»ng mét lÝ lÏ míi mÎ vµ giµu søc thuyÕt phôc.  b.Chñ quyÒn ®éc lËp cña d©n téc §¹i ViÖt ®­îc kh¼ng ®Þnh b»ng mét lÝ lÏ chÆt chÏ, thÓ hiÖn mét quan niÖm s©u s¾c vµ toµn diÖn vÒ quèc gia d©n téc, trµn ®Çy niÒm tù hµo d©n téc.  c. Dïng nh÷ng dÉn chøng thùc tÕ lÞch sö cô thÓ vµ x¸c ®¸ng ®Ó kh¼ng ®Þnh søc m¹nh cña ch©n lÝ, cña chÝnh nghÜa.  C. KÕt bµi: ®¸nh gi¸ ý nghÜa cña ®o¹n v¨n.  Bµi 7. NÐt míi cña NguyÔn Tr·i  - Quan niÖm vÒ quèc gia, d©n téc hoµn chØnh h¬n. Trong S«ng nói n­íc Nam, t¸c gi¶ míi nãi ®Õn hai yÕu tè: L·nh thæ vµ chñ quyÒn : cßn trong N­íc §¹i ViÖt ta, NguyÔn Tr·i bæ sung thªm ba yÕu tè: v¨n hiÕn, phong tôc tËp qu¸n, lÞch sö d©n téc.  - Sù s©u s¾c thÓ hiÖn ë chç NguyÔn Tr·i kh¼ng ®Þnh v¨n hiÕn vµ truyÒn thèng lÞch sö lµ yÕu tè c¬ b¶n nhÊt kh¼ng ®Þnh sù tån t¹i bÒn v÷ng cña mét quèc gia ®éc lËp. |

4. Cuûng coá vaø daën doø :

Ý nghĩa lịch sử, giá trị nội dung của vb?

Hoïc baøi cuõ, chuaån bò baøi: Nước Đại Việt ta (tt).

5. Ruùt kinh nghieäm:

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Tuần 30 Ngày soạn : /3/

Tiết49-50 Ngày dạy : /3/

TLV ÔN TẬP VỀ LUẬN ĐIỂM

I. Muïc tieâu:

1. Kieán thöùc : Giuùp HS củng cố, mở rộng và nâng cao kt về luận điểm.

2. Kó naêng: Rèn kỹ năng tìm hiểu, nhận diện và phân tích.

II. Chuaån bò:

1. Taøi lieäu tham khaûo : SGK, SGV, NVNC.

2. Phöông phaùp : Neâu vñ, giaûng giaûi, ñaøm thoaïi, thảo luận.

III. Tieán trình leân lôùp:

1. OÅn ñònh lôùp :

2. Baøi cuõ:

3. Baøi môùi:

Luận điểm là những tư tưởng, quan điểm được thể hiện trong bài văn nghị luận, luận điểm cần chính xác, rõ ràng phù hợp với yêu cầu cần giải quyết trong bài văn nghị luận. Để củng cố nội dung, ta tìm hiểu tiếp bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoaït ñoäng cuûa thaày vaø troø | Noäi dung |
| \* HĐ 1: HS nhắc lại nd kiến thức.  Luận điểm là gì?  Hs nhắc lại.  Gv chốt nội dung.  Luận điểm đóng vai trò quan trọng trong bài văn nghị luận, có thể nói luận ,điểm là bộ xương là linh hồn của văn bản, nếu không có hệ thống luận điểm, bài văn nghị luận sẽ không hoàn chỉnh, không mạch lạc.  ? Mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận?  => Có quan hệ chặt chẽ, luận điểm cần xác thực, phù hợp với yêu cầu.  ? Mối quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận?  => Các luận điểm được sắp xếp theo trình tự hợp lí.  \* HĐ 2: HD HS luyện tập.  BT 1. Nếu phải viết một bài TLV để giải thích vì sao có thể nói rằng giáo dục là chìa khóa của tương lai. Em sẽ chọn luận điểm nào?  Câu trên hiểu theo nghĩa giáo dục góp phần mở ra tương lai cho loài người trên trái đất.  Hs lựa chọn nội dung.  Sắp xếp các luận điểm theo trình tự nào? Vì sao?  Hs có thể sửa lại, bổ sung nội dung(nếu cần).  Hs chọn một luận điểm để viết thành một đoạn văn. (khoảng 12 dòng)  HS thực hiện yêu cầu bt.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung.  Khi nói đến giáo dục toàn diện, người ta nghĩ ngay đến việc giáo dục đồng thời và đầy đủ cả ba khía cạnh là trí dục, đức dục và thể dục. Trí dục giúp đối tượng đạt đến một trình độ tri thức phù hợp cần thiết; đức dục hướng đối tượng tới một nhân cách và một lối sống đúng theo thuần phong mỹ tục; và thể dục nhằm giúp đối tượng có được một sức khỏe cần thiết. Nếu “rèn đúc” ra được càng nhiều những con người có đầy đủ những phẩm chất đó, tức là được giáo dục toàn diện, thì xã hội và nhân loại sẽ càng được nhiều lợi ích.  BT2. Viết đoạn văn ngắn triển khai luận điểm sau:  Học vẹt không phát triển được năng lực suy nghĩ.  Hs xác định các luận cứ để làm sáng tỏ luận điểm.  Luận cứ 1. Học không hiểu mà cứ học thì rất chóng mau quên và khó có thể vận dụng thành công những điều đã học.  Luận cứ 2. Học vẹt chỉ mất thời gian, công sức mà chẳng đem lại hiệu quả gì.  Luận cứ 3. Học vẹt còn làm mòn đi năng lực tư duy, suy nghĩ.  Luận cứ 4. Bởi vậy không thể theo cách học vẹt, học bao giờ cũng trên cơ sở hiểu, gắn với thực tiễn.  Hs diễn đạt thành đoạn văn diễn dịch hoặc quy nạp.  HS thực hiện yêu cầu bt.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung.  Học" là con đường tiếp thu tri thức để hoàn thiện phẩm chất của mỗi con người. Con đường học vấn dài vô tận và muốn đạt đến đỉnh cao của học vấn thì có rất nhiều phương pháp. Mỗi người đã chọn lựa cho mình một phương pháp để đi trên con đường chông gai đầy thử thách này, nhưng đáng tiếc rằng đa số học sinh ngày nay lại chọn cho mình một phương pháp học rất dễ thực hiện nhưng lại dễ làm cho họ vấp ngã mà đã  vấp ngã thì họ khó tài nào đứng dậy nổi. Phương pháp nguy hiểm đó chính là "học vẹt" và "học tủ".  *“ TrÇn Quèc TuÊn cã mét lßng yªu n­íc nång nµn, s©u s¾c”*  - Dùa vµo bµi *“ HÞch t­íng Sü*” h·y x©y dùng c¸c luËn cø vµ viÕt thµnh ®o¹n v¨n tæng - ph©n - hîp. | I. Kieán thöùc.    1. Khái niệm về luận điểm.  2. Mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận.  3. Mối quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận.  II. Luyeän taäp.  BT 1. rằng giáo dục là chìa khóa của tương lai.  a. Nước ta có truyền thống giáo dục lâu đời là không phù hợp.  b. Giáo dục được coi là chìa khóa của tương lai:    Giáo dục phải vừa nhằm truyền thụ kiến thức theo cách chuyển giao hoặc hợp tác giữa bên truyền thụ và bên hấp thụ, vừa nhằm giúp đối tượng thụ huấn tự rèn luyện để trở thành cái họ phải trở thành. Phải giúp người được giáo dục đạt được mức độ viên mãn của chính con người anh ta, tức là phải làm cho anh ta có thể phát huy hết mức khả năng thiên phú của mình để anh ta có thể đóng góp tối đa phần của mình cho xã hội loài người; đồng thời cũng phải giúp anh ta tự rèn luyện để có một nhân cách tốt, một tinh thần phóng khoáng và mạnh mẽ hầu có thể đóng góp một cách vô vị lợi, hay đúng hơn là trong tinh thần vì ích chung nhiều hơn là chăm lo cho bản thân hoặc chỉ có gia đình.  BT2. Đoạn văn triển khai luận điểm.  Học vẹt không phát triểm được năng lực suy nghĩ.  Học vẹt, học thuộc bài nhưng không hiểu nội dung, vấn đền được nêu ra trong bài dẫn đến việc học xong là quên ngay, kiến thức không bền và sẽ không làm được các bài tập thực hành, chỉ học lí thuyết suông, kiến thức sẽ ngày càng rỗng, thành tích học tập sẽ càng sút kém khiến mọi người đâm nãn chí. Một khi kiến thức đã trang bị không chắc chắn thì kết quả sẽ không bao giờ cao.  BT3:Cho luËn ®iÓm sau:  *“ TrÇn Quèc TuÊn cã mét lßng yªu n­íc nång nµn, s©u s¾c”*  - Dùa vµo bµi *“ HÞch t­íng Sü*” h·y x©y dùng c¸c luËn cø vµ viÕt thµnh ®o¹n v¨n tæng - ph©n - hîp.  \* Gợi ý.  - Thøc tØnh tinh thÇn tr¸ch nhiÖm, ý thøc d©n téc cña t­íng sÜ.  + ChØ ra t×nh h×nh nguy ngËp cña ®Êt n­íc: lo¹n l¹c, gian n¹n.  + V¹ch trÇn téi ¸c cña kÎ thï: hµnh ®éng ngang ng­îc, b¶n chÊt tham lam vµ d· t©m x©m l­îc cña kÎ thï: L­ìi c¸c diÒu,  *th©n dª chã, hæ ®ãi*  - Trùc tiÕp bµy tá nçi lßng, t©m sù cña m×nh.  + Nçi ®au ®¬n vµ c¨m thï m·nh liÖt, quªn ¨n, kh«ng ngñ *“ruét ®au nh­ c¾t, n­íc m¾t ®Çmđìa”.*  - ý chÝ quyÕt t©m tiªu diÖt giÆc ngo¹i x©*m X¶ thÞt, lét da , nuèt gan, uèng m¸u*, nguyÖn ®em*” tr¨m th©n*”, ngh×n x¸c *“®Ó ®Òn nî n­íc.* |

\* CỦNG CỐ,DẶN DÒ:

- Về nhà xem lại nội dung bài.

- Hoàn thiện các bài tập.

- Chuẩn bị bài mới.

5. Ruùt kinh nghieäm:

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Tuần 31 Ngày soạn : /3/

Tiết 51-52 Ngày dạy : /3/

TLV: LUYỆN TẬP

XÂY DỰNG VÀ TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM

I. Muïc tieâu:

1. Kieán thöùc : Giuùp HS củng cố, mở rộng và nâng cao kt về việc trình bày luận điểm trong một bài văn nghị luận.

2. Kó naêng: Rèn kỹ năng tìm ý, trình bày luận điểm.

II. Chuaån bò:

1. Taøi lieäu tham khaûo : SGK, SGV, NVNC.

2. Phöông phaùp : Neâu vñ, giaûng giaûi, ñaøm thoaïi, thảo luận.

3. Ñoà duøng DH : Baûng phuï.

III. Tieán trình leân lôùp:

1. OÅn ñònh lôùp :

2. Baøi cuõ:

3. Baøi môùi:

Trong một bài văn nghị luận các luận điểm cần được sắp xếp theo trình tự hợp lí, và diễn đạt mạch lạc, chặt chẽ. Để củng cố nội dung, ta tìm hiểu tiếp bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoaït ñoäng cuûa thaày vaø troø | Noäi dung |
| \* HĐ 1: HD HS luyện tập.  BT . Hs đọc lại mục b (SGK)  ? Bạn em muốn kết thúc đoạn văn bằng một câu hỏi giống câu kết đoạn trong vb: Hịch tướng sĩ, “ Lúc bấy giờ, dẫu các ngươi muốn vui vẻ phỏng có được không?’’.  Theo em nên viết câu kết đoạn như thế nào cho phù hợp với yêu cầu?  Ngoài cách nêu trên em còn cóp những cách kết thúc đoạn văn theo cachý nào khác nữa?  => Bởi vậy với người hs hôm nay, học chăm chỉ không là nhiệm vụ cần thiết, tự giác mà còn là niềm vui, niềm tin cho nagỳ mai, cho tương lai...  ? Đoạn văn theo cach1 trên là diễn dịch hay quy nạp?  => Đoạn văn quy nạp.  ? Em có thể biến đổi đoạn văn từ diễn dịch=> quy nạp và ngược lại được không?  => Được, phải đảm bảo các yêu cầu sau:  Không thay đổi nội dung cơ bản của đoạn văn.  Các mối quan hệ ngữ pháp và ý nghĩa của luận cứ phải chặt chẽ và phù hợp.  Muốn thế cần:  Thay đổi vị trí câu chủ đề.  Thay đổi vị trí các câu trong đoạn văn.  Yêu cầu: hs viết đoạn văn diễn dịch.  HS thực hiện yêu cầu bt.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung.  xác định được tầm quan trọng của việc học cũng chưa đủ , ta cần phải hiểu học cái gì và học như thế nào? Học ở đây không chỉ bó hẹp trong phạm vi nhà trường, không phải chỉ có kiến thức do thầy cô truyền thụ. Còn có rất nhiều điều hay mới lạ trong cuộc sống mà ta cần phải học, sự học rất mênh mông bao la , không có giới hạn cho nên ta phải học tập không ngừng. Ở lứa tuổi nào cũng phải học - học ở nhà trường, gia đình, xã hội…  BT2. Viết đoạn văn trình bày luận điểm:  “Đọc sách là công việc vô cùng bổ ích, vì nó giúp ta hiểu biết thêm về đời sống’’.  Hs trả lời câu hỏi.  Đọc sách là vô cùng bổ ích, vì sao?  => Giúp ta hiểu biết thêm về đời sống.  Hiểu biết thêm về đời sống về những lĩng vực nào?  => xã hội, thiên nhiên, văn hóa...  ? Đọc sách không chỉ hiểu biết mà còn giúp ta có thêm điều gì?  => Bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách.  Sách còn là người thầy lớn đối với con người.  “ Điều ta biết có giới hạn  Điều ta chưa biết là vô hạn’’  (Laplace)  Yêu cầu: hs viết đoạn văn diễn dịch.  HS thực hiện yêu cầu bt.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung.  Thế nào là sách tốt ? Đó là những cuốn sách phản ánh chính xác quy luật của tự nhiên và của đời sống xã hội. Chúng giúp con người ta hiểu rõ về số phận của mình để có ý thức đúng về nghĩa vụ của mình trong đời sống. Một cuốn sách tốt phải giúp cho các dân tộc hiểu biết nhau hơn. Nó phải ca ngợi sự công bằng và tình hữu nghị giữa các dân tộc.Nó phải khiến cho con người thêm tự hào về mình, thêm vững tin ở cuộc sống để chiến đấu cho cuộc sống mỗi ngày một hợp lí và hạnh phúc hơn. Nó phải khiến cho tâm hồn con người trở nên phong phú hơn,độ lượng hơn, trong sáng hơn.  BT 3. Câu nào sau đây không phù hợp với việc phát triển luận điểm: Nhân nghĩa là đạo lí, là tình thương giữa con người với nhau.  A. Nhân nghĩa là khái niệm đạo đức của Nho gia.  B. Chữ nhân vốn có nội dung rất rộng.  C. Hạt nhân của chữ nhân là chỉ sự tương thân, tương ái giữa con người với nhau.  D. Muốn giữ gìn đất nước phải giữ gìn nền văn hóa, văn minh của dân tộc.  E. Chữ nhân của Nho gia thể hiện khuynh hướng trọng dân, nghĩa là đối với dân phải khoan dung, nhân ái.  G. Nghĩa là hợp với lẽ phải, với đạo lí.  H. Nghĩa theo tư tưởng tích cực của Nho gia là lấy lợi ích của nhân dân, của dân tộc làm gốc.  Hs diễn đạt thành đoạn văn diễn dịch hoặc quy nạp để làm rõ luận điểm: Nhân nghĩa là đạo lí, là tình thương giữa con người với nhau.  HS thực hiện yêu cầu bt.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung. | II. Luyeän taäp.  BT1 . Kết đoạn có thể có hoặc không:  “ Lúc bấy giờ, các bạn muốn vui chơi nữa liệu có được không”  Đoạn văn.  Sau này khi lớn lên, các bạn sẽ sống trong thời đại mà trình độ khoa học – kĩ thuật và văn hóa nghệ thuật ngày một nâng cao. Trong xã hội ấy, làm việc gì cũng cần phải có tri thức, các bạn muốn có tri thức thì phải chăn học từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường.  Do đó, nếu thiếu hụt tri thức,con người sẽ dễ dàng lâm vào những quyết định sai lầm,dẫn đến nhiều hậu quả khôn lường.Thêm vào đó sự thiếu hụt tri thức khiến cho xã hội không thể phát triển,đất nước không thể vươn lên tầm cao mới để sánh vai cùng các cường quốc khác trong và ngoài khu vực, điều đó là một tổn thất vô cùng to lớn.  BT2 . “Đọc sách là công việc vô cùng bổ ích, vì nó giúp ta hiểu biết thêm về đời sống’’  Đoạn văn.  Sách còn giúp người đọc phát hiện ra chính mình, hiểu rõ mình là ai giữa vũ trụ bao la này, hiểu mỗi người có mối quan hệ như thế nào với người khác, với tất cả mọi người trong cộng đồng dân tộc và cộng đồng nhân loại này. Sách giúp người đọc hiểu được đâu là hạnh phúc, đâu là nỗi khổ của mỗi người và phải làm gì để sống cho đúng và đi tới một cuộc đời thật sự. Sách mở rộng những chân trời ước mơ và khát vọng…  BT3. Đoạn văn triển khai luận điểm.  Nhân nghĩa là đạo lí, là tình thương giữa con người với nhau.  Nhân nghĩa là đạo lí, là tình thương giữa con người với nhau. Nhân nghĩa là khái niệm đạo đức của Nho gia. Chữ nhân vốn có nội dung rất rộng. Hạt nhân của chữ nhân là chỉ sự tương thân, tương ái giữa con người với nhau. Chữ nhân của Nho gia thể hiện khuynh hướng trọng dân, nghĩa là đối với dân phải khoan dung, nhân ái. Nghĩa là hợp với lẽ phải, với đạo lí. Nghĩa theo tư tưởng tích cực của Nho gia là lấy lợi ích của nhân dân, của dân tộc làm gốc. |

4.Củng cố, dặn dò:

- Về nhà xem lại nội dung bài học.

- Viết lại bài hoàn chỉnh.

- Làm bài tập: Viết đoạn văn triển khai luận điểm.“Học phải kết hợp với làm bài tập thì mới hiểu bài’’

5. Ruùt kinh nghieäm:

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Tuần 32. Ngày soạn: 30/3/

TIẾT 53,54 Ngày dạy: 02/4/

ÔN TẬP VB THUẾ MÁU

( Trích: Bản án chế độ thực dân Pháp) (Nguyễn Ái Quốc)

I. Muïc tieâu:

1. Kieán thöùc : Giuùp HS củng cố, mở rộng và nâng cao kt về vb: Thuế máu.

2. Kó naêng: Rèn kỹ năng tìm hiểu, phân tích vb.

II. Chuaån bò:

1. Taøi lieäu tham khaûo : SGK, SGV, NVNC.

2. Phöông phaùp : Neâu vñ, giaûng giaûi, ñaøm thoaïi, thảo luận.

3. Ñoà duøng DH :

III. Tieán trình leân lôùp:

1. OÅn ñònh lôùp :

2. Baøi môùi:

Lần đầu tiên không chỉ ở Việt Nam có một bản án với nội dung phong phú, súc tích, với quan điểm chính trị tiên tiến nhất thời đại, và những lập luận, chứng cứ hết sức hùng hồn, sắc bén đối với CN thực dân. Để củng cố nội dung, ta tìm hiểu tiếp bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoaït ñoäng cuûa thaày vaø troø | Noäi dung |
| \* HĐ 1: HS nhắc lại nd kiến thức.  HS nhắc lại vài nét cơ bản về tg, tp.  HS nhắc lại nd. GV chốt.  Lên án CN thực dân Pháp là một trong những chủ đề quan trong hàng đầu đối với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn hoạt động CM những năm 20 của TK 20.  Khái quát về nội dung và nghệ thuật của bài thơ?  => Chính quyền thực dân đã biến người dân nghèo khổ ở các xứ thuộc địa thành vật hi sinh để phục vụ lợi ích cho mình trong những cuộc chiến tranh phi nghĩa tàn khốc. Tác giả đã vạch trần bộ mặt ấy bằng ngòi bút trào phúng sắc sảo.  NT: châm biếm, đã kích.  \* HĐ 2: HD HS luyện tập.  BT 1 . Nhận xét về bố cục của đoạn trích thuế máu.  Các phần được sắp xếp theo trình tự nào?  Trình tự này có ý nghĩa và tác dụng ra sao?  HS thực hiện yêu cầu bt.  Gọi hs lên bảng làm bt.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung.  BT 2. Em hiểu như thế nào về thể loại phóng sự điều tra? Chương Thuế máu đã đáp ứng yêu cầu, thể hiện sức mạnh của  thể loại này ra sao?  HS thực hiện yêu cầu bt.  Gọi hs lên bảng làm bt.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung.  BT 3 . Nhận xét về cách xây dựng hình ảnh, giọng điệu của tác phẩm.  Hình ảnh có tính chất ra sao?  Các hình ảnh ấy có mang lí lẽ không?  Những hình ảnh ngoài châm biếm còn thể hiện điều gì?  Gắn với hình ảnh, ngô từ của tác phẩm ra sao?  Về giọng điệu giễu cợt mĩa mai được thể hiện qua những chi tiết nào?  Ngoài giọng điệu mĩa mai còn có giọng điệu nào được tác giả làm nổi bật lên nữa?  => Giọng điệu phản bác mạnh mẽ(ở cuối phân II).  HS thực hiện yêu cầu bt.  Gọi hs lên bảng làm bt.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung.  Bµi 4: T¹i sao tgi¶ l¹i gäi chÕ ®é b¾t lÝnh cña chñ nghÜa TD lµ “chÕ ®é lÝnh t×nh nguyÖn”? C¸c biÖn ph¸p, thñ ®o¹n b¾t lÝnh cña cquyÒn TD ®­îc thùc hiÖn nh­ thÕ nµo?  Bµi 5: Trong phÇn “KÕt qu¶ cña sù hi sinh”, ng­êi d©n thuéc ®Þa ®­îc g×, mÊt g×? Em cã nhËn xÐt ntn vÒ bé mÆt thËt cña cquyÒn TD ®èi víi hä khi chiÕn tranh kÕt thóc?  Bµi 6: Chøng minh r»ng: Mét trong nh÷ng y/tè t¹o nªn søc hÊp dÉn cña “ThuÕ m¸u” lµ NT ch©m biÕm, trµo phóng s¾c s¶o? | I. Kieán thöùc.  1.Taùc giaû, taùc phaåm.    2. Noäi dung vaø ngheä thuaät.      II. Luyeän taäp.  BT 1 . Bố cục của đoạn trích.  3 phần của chương Thuế máu đã được bố cục theo trình tự thời gian: trước, trong và sau khi chiến tranh xãy ra.  Bộ mặt giả nhân, giả nghĩa trơ trẽn, bản chất tàn bạo của chính quyền thực dân Pháp được bộc lộ rõ nét.  BT 2. Phóng sự điều tra:  Là một thể của kí, nhằm phản ánh kịp thời những vấn đề có tính thời sự, tìm hiểu và đưa ra những cứ liệu xác thực để người đọc nhận thức, hiều vấn đề.  Vấn đề mà chương Thuế máu đưa ra: vạch trần bộ mặt giả nhân, giả nghĩa trơ trẽn, bản chất tàn bạo của chính quyền thực dân Pháp.  BT 3. Cách xây dựng hình ảnh, giọng điệu tác phẩm.  - Trước hết những hình ảnh được xây dựng đều có tính xác thực, phản ánh chính xác thực trạng.  - Vừa xác thực, các hình ảnh đậm chất châm biếm, nhiều hình ảnh mỉa mai.  - Ngôn từ trào phúng, mỉa mai: con yêu, bạn hiền…  - Giọng điệu giễu cợt, mỉa mai, phản bác mạnh mẽ…    Bµi 4: Gäi chÕ ®é b¾t lÝnh cña chñ nghÜa TD lµ “*chÕ ®é lÝnh t×nh nguyÖn*” còng lµ c¸ch nãi mØa mai v× ch¼ng ai “t×nh nguyÖn”. Thùc chÊt, cquyÒn TD ®· sö dông c¸c lo¹i m¸nh khoÐ kh¸c nhau ®Ó b¾t lÝnh:  - Lïng sôc, v©y b¾t, c­ìng bøc.  - Lîi dông chiÕn tranh ®Ó xoay xë tiÒn b¹c ®èi víi con c¸i nhµ giµu.  - S½n sµng ®èi xö tµn b¹o ®èi víi nh÷ng ng­êi chèng ®èi.  Trong thùc tÕ, cquyÒn TD rÊt tµn b¹o, nh­ng bÒ ngoµi, chóng lu«n dïng c¸c mÜ tõ ®Ó lõa bÞp ( thÓ hiÖn râ nhÊt trong lêi bè c¸o cña phñ toµn quyÒn §«ng D­¬ng).  Bµi 5: Ng­êi d©n thuéc ®Þa ch¼ng ®­îc g× mµ chØ chÞu nhiÒu mÊt m¸t, th­¬ng ®au:  - Hä lËp tøc trë l¹i vÞ trÝ “*bÈn thØu*” ban ®Çu.  - BÞ lét tÊt c¶ cña c¶i vµ bÞ ®èi xö nh­ sóc vËt.  - ChÝnh quyÒn TD ph¹m téi ®Çu ®éc con ng­êi khi *®Òn bï thiÖt h¹i chiÕn tranh*” b»ng c¸ch “*cÊp m«n bµi b¸n lÎ thuèc phiÖn*”.  Nh÷ng chi tiÕt trªn ®©y ®· v¹ch trÇn bé mÆt tµn b¹o cña cquyÒn TD. Kh«ng nh÷ng thÕ, tgi¶ cßn ph©n tÝch cô thÓ viÖc cÊp m«n bµi b¸n lÎ thuèc phiÖn cña CNTD: chØ mét viÖc nh­ng ®· ph¹m tíi 2 téi ¸c ®èi víi nh©n lo¹i.  Tãm l¹i, b¶n chÊt cña CNTD kh«ng hÒ thay ®æi: tµn ¸c, gi¶ dèi, coi th­êng tÝnh m¹ng cña nh©n d©n, t×m mäi c¸ch ®Ó cñng cè quyÒn lîi Ých kØ cña chóng.  Bµi 6: NT ch©m biÕm, trµo phóng ®­îc NAQ sö dông rÊt hiÖu qu¶. §iÒu ®ã thÓ hiÖn qua c¸c ph­¬ng diÖn:  - H×nh ¶nh sinh ®éng, giµu søc biÓu ®¹t.  - HÖ thèng tõ ng÷ mØa mai, giÔu cît, ch©m biÕm ®­îc sö dông víi mËt ®é dµy ®Æc.  - Giäng ®iÖu trµo phóng ®Æc s¾c.  BT7: Nêu suy nghĩ của em về số phận của người dân thuộc địa qua văn bản Thuế máu? |

4.Củng cố, dặn dò:

- Về nhà xem lại nội dung bài học.

- Làm bài tập:

5. Ruùt kinh nghieäm:

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

TUẦN 33 Ngày soạn: 6 /4/

Tiết 55,56 Ngày dạy: 9 /4/

TÌM HIỂU YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ

TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

I. Muïc tieâu:

1. Kieán thöùc : Giuùp HS củng cố, mở rộng và nâng cao kt về văn nghị luận có yếu tố tự sự và miêu tả.

2. Kó naêng: - Rèn kỹ năng vận dụng yếu tố tự sự và miêu tả vào văn nghị luận.

Rèn luyện kĩ năng lập dàn ý, viết bài văn nghị luận xã hội

II. Chuaån bò:

1. Taøi lieäu tham khaûo : SGK, SGV, NVNC.

2. Phöông phaùp : Neâu vñ, giaûng giaûi, ñaøm thoaïi, thảo luận.

3. Ñoà duøng DH :

III. Tieán trình leân lôùp:

1. OÅn ñònh lôùp : 8A1 …………

8A2…………

2. Baøi cuõ:

3. Baøi môùi:

Yếu tố tự sự và miêu tả cần thiết trong bài văn nghị luận, giúp người đọc, nghe nhậ thức nội dung nghị luận một cách dễ dàng, với yếu tố biểu cảm có tác dụng ntn trong bài văn nghị luận? Để củng cố nội dung, ta tìm hiểu nội dung bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoaït ñoäng cuûa thaày vaø troø | Noäi dung |
| \* HĐ 1: HS nhắc lại nd kiến thức.  Trong bài văn nghị luận yếu tố tự sự và miêu tả có tác dụng gì?  => Giúp cho việc trình bày luận cứ trong bài văn rõ ràng cụ thể, sinh động hơn.  Khi đưa yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận cần chú ý điều gì?  => Phải phục vụ cho việc làm rõ luận điểm., không phá vơ mạch nghị luận.  \* HĐ 2: HD HS luyện tập.  Hãy lập dàn ý và viết đoạn văn nghị luận làm rõ tác hại của một trong các tệ nạn xã hội sau đây:   1. Tiêm chích ma túy. 2. Nghiện mạng xã hội fecebook. 3. Hiện tượng nói tục chửi thề của học sinh.  * Các đề nêu trên thuộc kiể bài nghị luận nào? * Nghị luận xã hội, bàn về các sự việc hiện tượng trong đời sống xã hội.   \*Lưu ý:  - Để làm bài văn nghị luận xã hội cần lưu ý:  \* MB:- Gioi thiệu vấn đề nghị luận  - Nêu nhận xét, suy nghĩ chung…  \*TB:  - Giải thich thuật ngữ…  - Thực trạng, biểu hiện  - Nguyên nhân  - Hậu quả..  - Giải pháp…  \*KB:- Nêu suy nghĩ chung  - Lời kêu gọi  Yêu cầu 1:  Hãy viết phần mở bài và đoạn văn phần thân bài cho các đề trên.  Yêu cầu 2:  Hãy viết bài văn phần thân bài cho các đề trên.(Khá, giỏi)  HS thực hiện yêu cầu bt.  Gọi hs đọc phần mình đã chuẩn bị.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung. | I. Kieán thöùc cơ bản.  Yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận.  Giúp văn nghị luận có sức thuyết phục hơn.  II. Luyeän taäp.  Bài tập:Hãy lập dàn ý và viết bài văn nghị luận làm rõ tác hại của một trong các tệ nạn xã hội sau đây:   1. Tiêm chích ma túy. 2. Nghiện mạng xã hội fecebook. 3. Hiện tượng nói tục chửi thề của học sinh.   \* MB:- Gioi thiệu vấn đề nghị luận  - Nêu nhận xét, suy nghĩ chung…  \*TB:  - Giải thich thuật ngữ…  - Thực trạng, biểu hiện  - Nguyên nhân  - Hậu quả..  - Giải pháp…  \*KB:- Nêu suy nghĩ chung  - Lời kêu gọi |

4. Cuûng coá vaø daën doø :

Yếu tố tự sự và miêu tả có vai trò ntn trong văn nghị luận?

Hoïc baøi cuõ, chuaån bò baøi: Tìm hiểu yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận(tt)

5. Ruùt kinh nghieäm:

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Tuần 27/Tiết 131 TLV TÌM HIỂU YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ

NS: MIÊU TẢ TRONG VĂN NGHỊ LUẬN (TT)

ND:

I. Muïc tieâu:

1. Kieán thöùc : Giuùp HS củng cố, mở rộng và nâng cao kt về văn nghị luận có yếu tố tự sự và miêu tả.

2. Kó naêng: Rèn kỹ năng vận dụng yếu tố tự sự và miêu tả vào văn nghị luận.

II. Chuaån bò:

1. Taøi lieäu tham khaûo : SGK, SGV, NVNC.

2. Phöông phaùp : Neâu vñ, giaûng giaûi, ñaøm thoaïi, thảo luận.

3. Ñoà duøng DH : Baûng phuï.

III. Tieán trình leân lôùp:

1. OÅn ñònh lôùp : 8A1 ………………………………………

8A2……………………………………….

2. Baøi cuõ:

3. Baøi môùi:

Chỉ nghị luận đơn thuần thì bài viết, nói sẽ khô khan, để tránh được điểm này trong bài văn nghị luận ta thường đưa yếu tố tự sự và mt vào bài văn. Yếu tố tự sự và miêu tả cần thiết trong bài văn nghị luận, giúp người đọc, nghe nhậ thức nội dung nghị luận một cách dễ dàng, với yếu tố biểu cảm có tác dụng ntn trong bài văn nghị luận? Để củng cố nội dung, ta tìm hiểu nội dung bài học.

|  |  |
| --- | --- |
| Hoaït ñoäng cuûa thaày vaø troø | Noäi dung |
| \* HĐ 2: HD HS luyện tập.  BT. Em phải viết một bài văn nghị luận tham gia cuộc trao đổi về đề tài:  Mọi người(trong gia đình, nhà trường và xã hội) đã sống vì em. Vậy em cũng phải biết sống vì mọi người.  Em sẽ nêu ra trong bài viết ấy những luận điểm nào?  Gv HD Hs trả lời câu hỏi.  ? Vì sao có thể nói rằng mọi người trong gia đình đã sống hết mình vì em?  => Mọi người đã nuôi nấng, dạy bảo, giúp đỡ em về vật chất lẫn tinh thần…  ? Vì sao khi mọi người đã sống hết lòng vì em thì em cũng phải sống hết lòng vì mọi người?  => Lòng biết ơn đối với mọi người.  ? Để thật sự sống vì mọi người thì em phải làm những việc ntn?  => Thể hiện qua lời nói, những việc làm cụ thể.  Hãy diễn đạt một trong những luận điểm đó thành một đoạn văn nghị luận, trong đó có yếu tố tự sự và miêu tả được đưa vào một cách hợp lí để tăng tính thuyết phục.  HS thực hiện yêu cầu bt.  HS cả lớp nhận xét.  GV sửa chữa, bổ sung.  Hs đọc tư liệu. | II. Luyeän taäp.  BT. Đoạn văn nghị luận để trình bày luận điểm:  Mọi người (trong gia đình, nhà trường và xã hội) đã sống vì em. Vậy em cũng phải biết sống vì mọi người.  Hệ thống luận điểm:  Trong gia đình mọi người đã sống hết lòng vì em, đã nuôi nấng, chăm sóc, giáo dục và giúp đỡ em từ vật chất đến tinh thần.  Mọi người đã hết lòng vì em, yêu thương em, vì em là con em trong gia đình.  Em rất cảm động va 2biết ơn đối với mọi người trong gia đình.  Vì thế em phải biết sống vì mọi người không chỉ băng lời nói mà còn qua hành động cụ thể. |

4. Cuûng coá vaø daën doø :

Yếu tố tự sự và miêu tả có vai trò ntn trong văn nghị luận?

Hoïc baøi cuõ, chuaån bò baøi: Tìm hiểu yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận(tt)

5. Ruùt kinh nghieäm:

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................